

H.T. THÍCH THANH TỪ

PHÁP HOA ĐỀ CƯƠNG

LỜI GIỚI THIỆU

Quyển Pháp Hoa Đề Cương là một tác phẩm thật có giá trị của một Thiền sư Việt Nam gần thời đại chúng ta. Chúng tôi khuyến khích Thiền sinh Thích Nhật Quang phiên dịch nhằm mục đích phổ biến tài liệu Phật giáo do người Việt Nam sáng tác, còn sót lại trong những bản văn chữ Hán.

Phật tử Việt Nam rất sùng mộ đọc tụng kinh Pháp Hoa, mà rất ít người hiểu được huyền chỉ của kinh. Vì thế phổ biến được quyển Đề Cương này sẽ giúp nhiều Phật tử thấy được chỗ cao siêu thâm áo của kinh. Thường trì tụng mà không hiểu được lý kinh thì công đức đâu được là bao. Đọc kinh mà thâm được lý, thật là người đi đêm được ngọn đuốc sáng lo gì sa hầm sục hố. Công đức của người tụng kinh thâm đạt lý thú thật không sao kể xiết.

Với bản nguyện xương minh Phật giáo nước nhà, cùng phá dẹp thành trì mê lầm đang ngăn lấp con đường Chánh giác của hàng Phật tử, nên chúng tôi ghi vào đây vài lời giới thiệu với độc giả.

THÍCH THANH TỪ



LỜI NGƯỜI DỊCH

Vào hạ năm trước, khi trao tập Đề Cương này cho tôi, Thầy tôi dạy: “Chú chịu khó đọc kỹ rồi dịch ra, để phổ biến một tài liệu quý giá của Phật Giáo Việt Nam chúng ta, cũng để đánh tan quan niệm sai lầm của một số người cho rằng: “Người nước ta thua kém người Trung Quốc”.

Sau khi nhận sách và đọc qua, thâm tâm tôi khoan khoái lạ thường. Khác nào người bệnh ngất, được toát mồ hôi. Như kẻ lạc lối trong đêm dày, chợt gặp mục tiêu và ánh sáng. Cũng như kẻ khốn cùng, bỗng được của báu vô lượng.

Ôi thích thú, sung sướng không kể xiết !

Thật vậy, không luận người Ấn hay người Hoa, chẳng riêng Việt Nam hay Nhật Bản, mà toàn thể nhân loại, cho đến muôn loài sinh trong Pháp giới, đều có “Tri kiến Phật”, đều sẵn đủ “Trí tuệ Như Lai”. Chỉ khác nhau ở chỗ, người hữu duyên sớm nhận ra trân bảo nhà mình, đời đời giàu sang, kẻ vô phần thì Đông Tây rong ruổi, mãi mãi đói khát.

Chớ nào phải, trong biển Tỳ-lô lại nổi bất bình, trên pháp thể an tường há sanh bi thử...

Việt Nam chúng ta, được một vinh hạnh lớn lao vô cùng là, viên đá đầu tiên của tòa nhà Phật Giáo, đã được đặt trên lãnh thổ này từ thế kỷ thứ III. Kịp đến năm 580 TL, thì Thiên tông phát triển, dần dần đến thế kỷ thứ XI, tòa nhà Phật Giáo hoàn thành tráng lệ. Thế thì, có thể nói Phật Giáo có mặt trên xứ sở ta, cùng lúc hoặc sớm hơn Trung Quốc. Bây giờ, chư vị Thiên đức đạo cao đức trọng lần lượt ra đời.

Những vị tích cực như Khuông Việt, Vạn Hạnh... Những vị kỳ bí như Không Lộ, Giác Hải... Những vị uyên bác như Thanh Biện, Viên Thông... Cho đến những vị siêu thoát như Thiên Lão... những vị mẫu mực như Đạo Huệ... và vô số những vị khác, hoặc ẩn hoặc hiện, cùng nêu cao ngọn đuốc trí tuệ, làm cho Cơ Thiên đã vang lừng một thuở. Chính các Ngài đã khéo léo hòa tấu khúc Tông phong thanh tao vi vút khắp sơn khê. Mãi đến thời Pháp thuộc gần đây, âm hưởng đó vẫn còn bàng bạc gọi nhàn ngoài cỏ nội. Các

bậc kiến tánh thâm tu quảng học như thế, vẫn tiếp tục ra đời, mà nhân vật đại biểu cho thời này là Minh Chánh thượng nhân, người làm ra Đề Cương này.

Thế nên biết: “Giọt nước dòng Tào nhuần thấm khắp nơi” vậy.

Hôm nay, con thành kính đót nén tâm hương, dâng lên mười phương các đấng Điều Ngự, cùng lịch đại Thánh Hiền, và Minh Chánh thượng nhân, nguyện từ bi phủ giám cho con. Đồng thời, soi tỏ lòng con, khiến con sáng suốt phiên dịch Đề Cương này, hầu khêu sáng ngọn đuốc trí tuệ mà các Ngài đã nhen nhúm từ lâu.

Con cũng mong mỗi hiện tại chư Thiện tri thức, từ miễn bổ chính cho bản dịch, để khi đến tay quý độc giả được hoàn bị hơn.

Lại nguyện mọi loài cùng dự hội Pháp Hoa, đều ngộ nhập Tri kiến Phật, hằng sống với bản thể thanh tịnh như như của mình.

TU VIỆN CHÂN KHÔNG

Đầu xuân năm Quý Sửu 1973 (PL 2517)

THÍCH NHẬT QUANG

Kính đề



PHẨM LỆ

Trong nguyên bản Đề Cương này, có nhiều phẩm tác giả chỉ nói tóm lược, mà không nêu rõ tên mỗi phẩm.

Vì muốn tiện lợi cho việc tham khảo của quý độc giả, dịch giả tự ý ghi thêm tên mỗi phẩm, theo thứ tự của mục lục toàn kinh.

Ngoài ra, khi gặp những danh từ chuyên môn, dịch giả chú thích ra, và chỗ nào dẫn danh hiệu Phật... xin lược bớt. Như vậy, trình tự và ý thú của toàn kinh được liên tục, và quý vị sẽ theo dõi dễ dàng.

Sau cùng, dịch giả dẫn thêm mục lục của toàn kinh theo bản dịch của Hòa thượng Trí Tịnh.

Dịch giả.

Cung kính dâng lên Thầy,

Người chỉ con lối sống.

NHẬT QUANG



Ba mươi năm trôi giạt.

Chả biết ta là gì !

Quày đầu trông lối cũ,

A đấy, chính ta đi !

LỜI DẪN TỰA

PHÁP HOA ĐỀ CƯƠNG

Kinh nói: “Chư Phật vì một đại sự nhân duyên xuất hiện trong đời là muốn khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật”. Nhưng câu kinh trên cũng là cương lĩnh chánh yếu của toàn bộ, các nhà sơ giải lấy đó làm chỉ thú nòng cốt để giải thích rộng bộ kinh này. Do đó mới biết chư Phật nói ba câu hỏi, chín thí dụ, hội ba về một, dẫn quyền vào thật để khai thị. Đó là khiến tất cả chúng sanh biết được bản lai diện mục, gọi là tri kiến Phật để ngộ nhập nó. Xét khi Phật còn tại thế, hàng Thanh văn nghe qua hai lượt được ngộ, Phật liền thọ ký cho họ. Cho đến tất cả chúng sanh nghe qua một câu một kệ của kinh này có một niệm tùy hỷ, Phật cũng huyền ký cho họ. Đó là rất ráo một đại sự nhân duyên vậy.

Trộm nghĩ kinh này là vua trong các kinh, các nước đều truyền bá rộng rãi. Riêng ở Trung Hoa có đến hơn trăm nhà sơ giải thì đủ biết tầm quan trọng của nó rồi. Bộ kinh này lưu thông đến nước ta (Việt Nam) đặc biệt vào triều vua Gia Long, có một vị cao tăng là Hòa thượng Bích Động y theo kinh này mà làm đề cương.

Nay ty Hoàng pháp chúng tôi (Thanh Chúc, Thanh Quy, Thanh Trà) phát tâm khắc lại và lấy bộ này làm một trong mười khoa công án.

Đây là lời dẫn vậy.

Vĩnh nghiêm, hậu học Tỳ-kheo Thanh Hanh

Kính đề lời dẫn tựa.

Hoàng triều Bảo Đại năm thứ chín (1933) tháng 4 mùng 10.

Nước Đại Nam, tỉnh Ninh Bình, phủ An Khánh, huyện An Mô, tổng Đạm Khê, xã Đạm Khê, chùa Bích Động tàng trữ bản để về sau biết mà in.



TỰA TÔNG CHỈ ĐỀ CƯƠNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Một lúc nọ, nhân khi du hóa đặt bước đến Liêm Khê, mừng rỡ gặp được Thiên sư Thanh Đàm, cùng nhau luận bàn vui vẻ. Thiên sư bảo: “ Vừa mới biên tập đề cương kinh Diệu Pháp chưa được phân nửa. Hồi hôm nằm mộng thấy đức Bản Sư dường như về ẩn thọ cho, lại thấy rõ trên nòa có đức Đa Bảo. Nay tôn giả vừa đến đây, là ý Phật khiến cho Ngài đến chứng minh đó vậy”.

Lúc đó, Thanh Nguyên tới nửa mừng nửa sợ cầm bản thảo nhuận sắc vừa biên xong, mới rõ tạng tánh, hồ tâm Như Lai chói suốt. Tôi xin thành thật viết bài tựa này để chứng minh.

Kệ rằng:

Đề Cương kinh báu Diệu Liên Hoa,
Chỉ bảo cho ta ngọc Biện Hòa,
Hai mươi tám phẩm từ biển giác,
Đại thiên sa giới hội tâm cơ.
Hòa Thượng Năng Nhân thâm thọ ký,
Như Lai Đa Bảo kín hộ gia,
Khiến rõ tâm ta đâu tá xứ,
Ngợi khen Diệu Pháp lẫn Liên Hoa.
Đề Cương ngọc trụ Diệu Liên Hoa,
Năng sử ngô vi tích Biện Hòa,
Nhị thập bát châu uyên giác hải,
Đại thiên sa giới hội tâm cơ.
Năng nhân Hòa thượng minh tương thọ,
Đa Bảo Như Lai mật hộ gia,
Khiến ngã tâm lai minh tá xứ,
Tán dương Diệu Pháp, tán Liên Hoa.

Trộm nghe: kinh Pháp Hoa là một đại sự của chư Phật, là yếu môn của Bồ-tát, là chân như bình đẳng của Như Lai, vì thương chúng sanh mà khai thị ngộ nhập. Thường khi chư Phật diễn nói chẳng cần truyền trước. Hằng ngày chúng sanh tu trì sẽ được thọ ký quả đương lai.

Diệu Pháp là huyền vi khó vạch bày mà lại cao lớn vòi vọi. Liên Hoa là bông sen chẳng nhiễm bùn nhơ, hương thơm ngào ngạt. Rộng lớn bao trùm pháp giới, cõi nước nhiều như số bụi nhỏ của đức Như Lai cũng không bỏ sót, tròn sáng soi khắp hằng sa, Bát-nhã, Bồ-đề thấy đều đầy đủ. Chư Tổ tha thiết nghĩ đến chúng sanh, mới dùng văn cú, ngữ ngôn để mở bày, chẳng khác nào mò châu đáy biển, tìm ngọc non cao.

Đến như ngài sa-môn Thanh Đàm có duyên tam học từ đời trước, ngày nay may mắn gặp được chánh tông. Ngài noi theo phong cách tuyệt vời của cửa Động đỉnh giác, ném pháp vị sâu màu của Tổ Đạo Nguyên. Vào năm Đinh Mão Ngài theo Tổ sư ở Nguyệt Quang Thiền tự, trong lòng mừng vui cung kính tưởng như khó gặp mà gặp được một vị Phật sống như thế, thật là cõi mở tác lòng. Giữa một buổi trưa mặt nhật rõ ràng, Ngài bèn sửa sang y phục, hình sắc nghiêm trang, trải tọa cụ trước Tổ, quỳ gối chấp tay bạch cùng Tổ sư Đạo Nguyên rằng:

- Tâm chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặng giữa. Vậy rốt ráo tâm ở chỗ nào ?

Tổ sư mỉm cười xoa đầu Ngài, liền chỉ bày tâm ấn và nói kệ rằng:

Theo thời ứng dụng,
Gặp vật thấy cơ,
Tánh vốn như như,
Trong ngoài nào mắc ?
Tùy thời ứng dụng,
Ngộ vật kiến cơ,
Tánh bản như như,
Hà quan nội ngoại.

Lúc ấy, ngài Thanh Đàm vui mừng lễ bái đánh thọ ân cần, hoát nhiên nắm được chìa khóa chẳng còn ngại cửa đóng. Từ đó Ngài chuyên tinh nghiên cứu tam tạng, phâu phán nhất thừa. Phàm các kinh Diệu Pháp, Lăng Nghiêm nếu có chỗ nào nghi ngờ liền

dem thừa hỏi. Đến năm Canh Ngọ, Ngài đăng đàn thọ giới Cụ Túc, từng gõ cửa Tổ sư để được kiến tánh. Tổ sư lại có mật ẩn nói bài kệ:

Chặng mây phóng quang đừng nói Phật,
Gót chân mây phủ chớ bảo Tiên,
Ngươi nên nuôi dưỡng trâu cường tráng.
Hôm sớm quen cày tác ruộng kia.
Quang phóng mi gian vô đạo Phật,
Vân sinh túc hạ vị ngôn tiên,
Nhiều quân bảo dưỡng ngu ru phỉ tráng,
Triều tịch thực canh bỉ thốn điền.

Ngài Thanh Đàm từ đó càng thêm tinh tấn, tay không rời quyển kinh. Trải qua bốn mươi tám năm (từ năm Đinh Tỵ đến Đinh Mão), Ngài chống tích đến Liêm Khê tư duy bí tạng của Cổ Phật, không tiếc rẻ với chúng sanh mà muốn cho tất cả đồng được vào tri kiến, nên nói: “Tôi dầu được chút ít đâu nên xén tiếc ư?”.

Đề Cương kinh Diệu Pháp này nếu có chút công đức lành nào, chẳng dám dành riêng phần mình mà muốn cho Liên Hoa đồng mọc ở đầm trong; chẳng tìm cầu bên ngoài mà khiến Diệu Pháp sẵn chứa nơi tác đất. Trông mong hàng thanh chúng đầy đủ mắt chân chánh. Như trong đây lý sự được đi đôi thì xin tất cả được Như Lai thọ ký.

Đốt hương kính cẩn viết lời tựa này.

Kệ rằng:

Bích Động Thanh Đàm sen ngát hương,
Diệu hoa trở thẳng pháp đề cương,
Nhất thừa Minh Chánh liên khai thị,
Tam yếu Đạo Trung rộng xiển dương,
Muôn phương tỏ ngộ tâm viên tịnh,
Tất cả vào sâu lý viễn trường,
Thanh tịnh liên hoa ngời pháp giới,
Tỳ lô tạng hải diễn chân thường.
Bích Thanh Đàm xuất diệu liên hương,
Hoa mục chỉ tiêu tông pháp cương,

Minh Chánh nhất thừa khai tối quảng,
Đạo Trung tam yếu thị hoàng dương,
Quần phương hội ngộ viên tâm tịnh,
Chúng đẳng đế quan nhập lý trường,
Thanh tịnh liên hoa quang pháp giới,
Tỳ lô tạng hải diễn chân thường.

Hoàng triều Gia Long năm thứ 18 (1820) tháng 8, ngày lành.

Sa-Môn Thanh Đàm,
Thiền Sư Viên Giác Bỏ
Minh Nam soạn



TÔNG CHỈ ĐỀ CƯƠNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Đức Thế Tôn, vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời. Bởi muốn khai thị cho chúng sanh khiến ngộ nhập Phật tri kiến đạo.

Lúc mới thành Chánh giác, Ngài nói kinh Hoa Nghiêm, đem cho họ giáo Viên đôn Nhất thừa, khiến mọi người đồng lên biển Hoa Tạng. Nhưng pháp lớn cơ nhỏ, chắc chắn là khó vào. Do đó, Giáo có năm thời, Thừa chia ba tạng.

Thời thứ hai, nơi vườn Lộc dã, Ngài nói kinh A-hàm.

Thời thứ ba, tại tịnh xá Kỳ Hoàn, Ngài nói kinh Bát-nhã.

Thời thứ tư, trong núi Kỳ-xà-quật, Ngài nói kinh Pháp Hoa.

Thời thứ năm, ở thành lớn Câu-thi, Ngài nói kinh Niết-bàn.

Hai thời trước, là phần giáo của Tiểu thừa và Nhị thừa. Đến thời Pháp Hoa, là phần giáo của

Đại thừa. Kinh nói: Phật nói kinh Đại thừa, tên “Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”.

Bởi chư Phật hộ niệm, từ lâu xa đến giờ. Nay, trong chúng đệ tử, căn cơ đã thuần thực, lưới nghi cũng trừ xong, có thể kham nhận lãnh pháp lớn, nên Phật đem Đại thừa này giao phó. Giáo này cũng đồng với kinh Hoa Nghiêm. Do đó, kinh nói: “Thẳng bằng bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng. Khiến cho chúng đệ tử, nương đạo Nhất thừa này, tiến vào Tối thượng thừa, Tri kiến Phật nhất đại sự, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề”.

Nhưng, kinh Pháp Hoa cùng kinh Lăng Nghiêm đồng một ý hướng, mà kinh Pháp Hoa là mật ý xung dương tán thán Phật tri kiến. Kinh Lăng Nghiêm là nói rõ Phật tri kiến. Đến kinh Niết-bàn thì dạy: “Sanh diệt đã hết, lặng lẽ là vui”. Chính nơi đây, niềm vui lớn mới thật rõ ràng.

Nên biết trên hội Pháp Hoa, là lúc đào giếng đã thấy đất ướt, biết chắc gần tới nước. Hội Lăng Nghiêm, là khi thấy nước rồi. Hội Niết-bàn, là lúc uống nước. Thế thì, nhân duyên một việc lớn, chính là giải thoát vậy.

Nói là lớn, cũng chẳng vượt qua tâm. Nhưng, tâm lại là Tri kiến chân như, bản lai không một vật. Chúng sanh tự quên cái bản lai này, theo vọng thức, trôi giạt mãi trong biển khổ. Cho nên, Pháp của Phật nói ra, dù như chiếc bè, hay cứu vớt chúng sanh, ngược

dòng mà qua, khiến họ bỏ vọng về chân. Sau đó, mới khai thị cho họ, dạy biết cái “bản lai thanh tịnh”, ngộ nhập “Tri kiến địa chân như”.

Tỳ-kheo Thanh Đàm,
Thiền sư Giác Đạo Tuân
Minh Chánh tuyên.



TỔNG NÊU PHÁP DỤ VÀ ĐỀ MỤC CỦA KINH

Diệu Pháp Liên Hoa kinh, năm chữ. Hai chữ Diệu Pháp là chỉ cho pháp thật. Pháp tức là tâm xưa nay trong sạch. Tâm ấy, xưa nay không sanh không diệt, chẳng sạch chẳng nhơ, chẳng thêm chẳng bớt. Ở phiền não mà chẳng loạn động, trụ trần lao mà không nhiễm ô. Cho nên nói, Tâm xưa nay trong sạch là vậy.

Lại tâm này, là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của chúng sanh. Tròn đồng thái hư, lớn không bờ mé. Linh linh lạng lạng, phô xưa bày nay. Trạm trạm lóng trong, tức không tức sắc. Không thể dùng tâm thức suy lường mà biết được. Đức Thế Tôn, vì muốn đem một việc lớn, “Tâm này” trao phó cho hàng Bồ-tát, gây tâm nhân địa, làm gốc tu nhân. Nhiên hậu, có thể thành tựu quả địa tu chứng, nên nói rằng Diệu Pháp.

Nên biết, tâm này trong các kinh đều khai thị nó trước nhất. Phương tiện đặt tên, mỗi chỗ chẳng đồng. Như Tâm Kinh Bát-nhã thì “Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa”. Lại bảo “Bồ-tát Quán Tự Tại”. Cũng nói “Chân thật chẳng hư”. Kinh Tịnh Danh nói “Pháp môn Bất nhị”. Hoặc là “Chẳng nghĩ bàn”. Kinh Kim Cương dạy “Như thế sanh tâm thanh tịnh”. Lại dạy “Nên không chỗ trụ mà sanh tâm ấy”. Kinh Hoa Nghiêm nói “Biển tánh Tỳ-lô”. Lại nói “Trí Căn bản”. Kinh Lăng Già cho rằng “Tự giác thánh trí”. Kinh Lăng Nghiêm chỉ “Diệu minh nguyên tinh”. Lại nói “Như Lai tàng tánh”. Kinh Viên Giác thì “Nhân địa pháp hạnh”. Hoặc là “Viên Giác diệu tâm”. Kinh A Di Đà nói “A Di Đà Phật”. Lại nói “Kinh công đức chẳng thể nghĩ bàn, hết thấy chư Phật đều hộ niệm”. Kinh Đại Bát Niết-bàn thì dạy “Thân Kim Cương chẳng hoại”. Đến như kinh Pháp Hoa này là “Diệu Pháp Liên Hoa”, là “Một đại sự nhân duyên”. Lại “Phật tri kiến đạo”. Hay là “cứu cánh Phật tuệ”. Cũng lại “Trí nhất thiết chủng” v.v... Như thế bao nhiêu thứ danh hiệu, đều tùy dụng mà đặt ra, có vô lượng sự sai khác. Thế nên nói là “Diệu Pháp”.

Hai chữ Liên Hoa là thí dụ. Lấy trong sạch chẳng ô nhiễm làm nghĩa. Vì tất cả sự vật trong thế gian, chẳng kham làm dụ cho tâm, nên cưỡng lấy hoa sen để ví cho nó. Bởi loài hoa này sanh trong nước bùn, mà chẳng bị nước bùn làm ô ướ. Cũng như tâm ở trong trần lao, mà chẳng bị trần lao làm mê hoặc. Nhưng, tâm không hình tướng, hoa có xanh, vàng. Nhân hoa mà rõ cái thấy, do thấy mới biết hoa. Hoa là sắc tướng vô tình, còn thấy biết chính là chân tâm. Chỉ chẳng vọng sanh phân biệt thì vật ngã tự như như.

Kinh là sợi chỉ khâu suốt tâm. Bảy quyển bao hàm hơn sáu muôn lời, đều là những số của tâm. Lấy một sợi chỉ khâu hết lại thành một kinh vậy. Nhưng, chỗ tỏ bày của kinh là môn học Định, Tuệ. Thế là nói lược đi, kỳ thật gồm cả Giới trong đó, do Giới giúp cho Định Tuệ. Nhân Giới sanh Định, do Định phát Tuệ. Thế nên, Giới là phương tiện đầu của Định Tuệ, há có thể lãng quên được ư ?

Nói Định Tuệ, tức là tông chỉ của Thiên định. Tuy trong các kinh đều nói Định Tuệ, nhưng có Định Tuệ Tiểu thừa, Định Tuệ Nhị thừa, hoặc Định Tuệ của Quyền thừa Bồ-tát. Đến như kinh này thì Phật tuệ rất ráo, chỉ bày Nhất thừa, Phật tri kiến đạo, khiến các chúng sanh rốt ráo đều được Trí nhất thiết chủng.

Nên biết, Định Tuệ trong kinh này nói, chẳng phải Định Tuệ của các kinh khác mà có thể so sánh được. Kinh nói: “Tạng kinh Pháp Hoa này, rất bền chắc sâu xa, không người có thể đến”.

Nay, đức Phật giáo hóa hàng Bồ-tát được thành tựu rồi, nên vì họ mà chỉ bày. Nhưng kinh Pháp Hoa, mới bắt đầu khai thị khiến họ ngộ nhập. Đến kinh Lăng Nghiêm, thì nghĩa Đại thừa đã rành rõ, mọi việc đã hoàn tất. Thế nên biết, kinh Pháp Hoa cùng kinh Lăng Nghiêm, làm tiêu biểu cho nhau. Do đó, kinh Pháp Hoa cũng có tên là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương kinh”.

Kệ rằng:

Đề kinh năm chữ, nghĩa u huyền,

Diệu Pháp Liên Hoa [là Pháp diệu khó nghĩ, vượt hơn các pháp. Loại kinh pháp này là vua trong các kinh của Phật nói. Liên Hoa là dụ như hoa sen. Một loại hoa sánh với các loại hoa khác có năm điều đặc biệt: Có hoa là có gương: nhân quả đồng thời; Mộc trong bùn lầy mà vẫn trong sạch thơm tho; Cọng hoa từ gốc đã tách rời cành lá; Loài ong bướm không bu đậu; Không bị người dùng làm đồ trang điểm.] Phật tuệ viên,

Thanh văn [Các vị này sanh cùng thời với Phật, được nghe pháp Tứ Đế ngộ lý Vô sanh chứng quả A-la-hán. Thanh văn có bốn bậc: 1- Tu-đà-hoàn; 2- Tư-đà-hàm; 3- A-na-hàm; 4- A-la-hán] Độc giác [Còn gọi là Bích-chi Phật có hai hạng: Các vị ra đời không gặp Phật, cũng không gặp chánh pháp, nhưng nhờ chứng kiến cảnh hoa héo lá khô v.v... mà tự ngộ lý Vô thường dứt kiến tư hoặc, thoát ly sanh tử luân hồi. Vị này

gọi là Độc giác. b) Các vị ra đời gặp Phật gặp chánh pháp tu quán mười hai nhân duyên, chứng ngộ Vô sanh thoát ly sanh tử luân hồi. Vị này gọi là Duyên giác. Cả hai hạng trên cứ nơi quả chứng thì ngang với A-la-hán.] khôn lường xét,

Bản lai thanh tịnh, bất trần duyên,
Theo thời chẳng muội Chân tri kiến,
Chỗ hiển mở bày thật quả nhân,
Pháp dụ cùng nêu, ngời đại sự,
Tâm hoa rực rỡ, chiếu vô biên.
Kinh đề ngũ tự nghĩa u huyền,
Diệu Pháp Liên Hoa Phật tuệ viên,
Độc giác Thanh văn nan trắc lượng,
Bản lai thanh tịnh tịch trần duyên,
Tùy thời bất muội chân tri kiến,
Hiển xứ khai phu thật quả nhân,
Pháp dụ song chương minh đại sự,
Tâm hoa xán phát chiếu vô biên.



TỔNG NÊU NHÂN DO TÔN CHỈ KHAI THỊ NGỘ NHẬP

Phần duyên khởi của các kinh, mỗi mỗi khác nhau. Nhân duyên kinh này, lấy ánh sáng mà dẫn, từ trong vô lượng nghĩa lưu xuất. Vô lượng nghĩa cũng là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Hạng thượng căn thấy đó, đã tròn đầy yếu cơ Khai, Thị, Ngộ, Nhập. Chẳng nhọc đức Thế Tôn từ Chánh định dậy, lại diễn nói thêm. Nên trong kinh nói: “Pháp ấy chẳng thể nghĩ bàn, tương lời nói lạng lẽ. Nhưng các loài chúng sanh khác không thể hiểu thấu, nên xin ưa muốn nghe”.

Khai, là phá bỏ vọng tưởng tình thức kia, bày tỏ căn tánh chân thường tức là Phật tri kiến, tâm bản lai thanh tịnh.

Thị, là đã khai phá vọng thức rồi, liền chỉ ra căn tánh chân thường, là Phật tri kiến, tâm bản lai thanh tịnh.

Ngộ, là chúng sanh từ kiếp vô thủy đến giờ, chẳng biết chân tánh xưa nay trong sạch. Chỉ nhận bốn đại, năm uẩn làm thân, sáu thức vọng tưởng làm tâm. Nên cần phải mở bày, mới có thể giác ngộ “tình thức là vọng, căn tánh là chân”.

Nhập, là đã biết vọng thức, nhận ra chân tánh, bèn hồi tâm ngộ nhập tánh chân thật, chóng bỏ thức tình vọng tưởng. Lại, Nhập cũng chính là nghĩa “nhập lưu vong sở”. Là thu nhiếp các thức trở về căn nguyên, trái bỏ cảnh giới vọng trần vậy.

Kệ rằng:

Pháp Hoa một đại sự nhân duyên,

Khai Thị khiến cho Ngộ Nhập liền [KHAI, THỊ, NGỘ, NHẬP: Tất cả các đức Phật Thế Tôn ra đời chỉ vì muốn cho chúng sanh “Khai thị ngộ nhập Phật tri kiến”. Chúng sanh được khai thị ngộ nhập Phật tri kiến rồi lòng Phật mới thỏa, nguyện Phật mới xong, một đại sự nhân duyên ra đời của các Ngài mới hoàn tất. Kinh nói: “Các đức Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà hiện ra trong đời. Xá-lợi-phất ! Thế nào nói rằng các đức Phật Thế Tôn hiện ra trong đời chỉ vì một đại sự nhân duyên ? Các đức Phật Thế Tôn vì muốn chúng sanh khai mở Phật tri kiến để được thanh tịnh mà hiện ra trong đời. Vì muốn chỉ thị Phật tri kiến cho chúng sanh mà hiện ra trong đời. Vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ Phật tri kiến mà hiện ra trong đời. Vì muốn tất cả chúng sanh chứng nhập Phật tri kiến mà hiện ra trong đời. Xá-lợi-phất ! Đó là các đức Phật Thế Tôn

vì đại sự nhân duyên mà hiện ra trong đời vậy.”(Phật tri kiến chính là bản giác diệu tâm, là chân tánh bình đẳng của tất cả Thánh phàm. Từ xưa đến giờ khắp cùng pháp giới, Phật và chúng sanh vẫn đồng một thể tánh này. Thể tánh dù đồng, nhưng mê chính nó là chúng sanh, ngộ chính nó là Phật. Ngộ tức thuận theo tánh. Thuận theo tánh thì luôn luôn thụ hưởng bốn đức “thường, lạc, ngã, tịnh”. Mê là trái tánh theo trần. Trái tánh theo trần hẳn luân hồi sanh tử đảo điên khôn cùng. Vì trần lao là cảnh “huyễn mộng vô thường”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Trái giác hợp trần, trái trần hợp giác”, là đây.]

Phóng quang sáng tỏa, bùng mắt đạo,
Từ tam-muội dậy, chỉ linh nguyên,
Hoa lòng, nhận thấu chân tri kiến,
Biển tánh, vào dòng giác biến viên,
Hãy dừng chớ có dùng lời nói,
Mây bay, từng gợn, vốn thiên nhiên.
Pháp Hoa nhất đại sự nhân duyên,
Khai Thị linh tri Ngộ Nhập toàn.
Phóng nhất quang đăng Khai đạo nhãn,
Tùng tam muội khởi Thị linh nguyên.
Tâm hoa Ngộ đạt chân tri kiến,
Tánh hải Nhập lưu giác biến viên.
Chỉ chỉ bất tu ngôn thuyết tướng,
Vân phi từng hưởng bốn thiên nhiên.



NÊU RÕ DIỆU LÝ THEO MỖI PHẨM TRONG KINH PHÂN GIẢI

Phẩm Tựa, vào đầu nói: “Phật nói kinh vô lượng nghĩa xong, Ngài vào chánh định vô lượng nghĩa xứ. Thân tâm chẳng động, giữa chặng mây phóng ánh sáng trắng, chiếu thẳng đến phương đông, tương các cảnh giới bên đó đều hiện rành rõ”, ấy là sao ?

Bởi ánh sáng này trung biểu cho nhãn căn thấy tánh, tức là Diệu pháp đạo lớn Nhất thừa chẳng nghĩ bàn, cũng là Tối thượng Phật thừa. Lại phương đông thuộc mộc, can tạng chúng ta cũng thuộc mộc. Trong can ngoài nhãn, tinh quang chiếu kiến. Chiếu kiến này chính là tâm. Thân tâm chẳng động phóng ra ánh sáng, là trung biểu cho tâm thường lặng lẽ, ánh sáng thông cả chiếu kiến. Tâm này xưa nay trong sạch chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng chúng sanh theo chiếu bỏ mất chân tông, đuổi cảnh mà bị lưu chuyển. Ấy bởi chấp nhận vọng thức làm tâm vậy.

Thế nên, đức Thế Tôn hiện ánh sáng giữa chặng mây chẳng động này, khiến các chúng sanh bỏ vọng về chân, mà chuyển thức thành trí. Đương cơ, ngài Di Lạc khởi nghi, là theo thức mà tỏ bày tướng cảnh giới hiện bên ngoài kia. Bồ-tát Văn Thù nêu rõ bản thân của ánh sáng nhiệm màu. Nghĩa là hiện nay thấy điềm ấy như xưa. Đây lại trung biểu cho thức theo cảnh mà hiện, cảnh từ căn mà có. Căn tức là ứng dụng của tâm, đây cũng chính trí căn bản.

Nên biết, một ánh sáng mà hiện khắp, nhằm bày tỏ gốc là một tinh minh, chia làm sáu hòa hợp. Vào một căn mà viên ngộ cả sáu căn, vào một pháp mà chóng rõ hết các pháp là đây.

Kệ rằng:

Phật tuệ chiếu soi khắp phương đông,
Cùng thời, chúng hội khởi nghi đồng.
Mở đầu Di Lạc, Khai mê thức,
Chỉ thẳng Diệu quang, Thị giác không.
Lập một phá ba, toan trước hiển,
Ngộ quyền về thật, sẽ sau thông.

Pháp môn tùy Nhập, dù vô lượng,
Đồng đến Liên hoa, pháp môn mê mông.
Đông phóng my quang Phật tuệ tông,
Nhất thời như thị chúng nghi đồng,
Khải môn Di Lạc khai mê thức,
Trực chỉ Diệu Quang thị giác không,
Lập nhất phá tam tiên dự hiển,
Ngộ quyền qui thật thứ đương thông,
Pháp môn tùy nhập tuy vô lượng,
Đồng thú Liên hoa đại pháp trung.



PHẨM PHƯƠNG TIỆN, THÍ DỤ, TÍN GIẢI VÀ THỌ KÝ.

Thọ ký [THỌ KÝ: Đức Phật nói trước những việc sắp đến của vị đó một cách chắc chắn như: sau bao nhiêu năm sẽ thành Phật danh hiệu gì, ở cõi nào và tuổi thọ bao nhiêu v.v...] là chỉ thẳng tâm bản lai thanh tịnh này, tức chân như Phật, tri kiến đạo. Dùng tâm này làm nền tảng tu nhân, tương lai chứng được quả vị trong sạch trang nghiêm cõi Phật. Chính trong kinh đã nói: “Nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, rốt ráo trước sau đều như thế”.

Tổ Bá Trượng cũng nói: “Chẳng làm nhân quả” là đây !

Chư thiên mừng khen, là bởi các trời xưa ở trong chỗ tu hành do phước hữu lậu mà được sanh lên cõi trời, nhưng chưa thoát khỏi luân hồi và năm thứ tướng suy [Năm thứ tướng suy của chư thiên: Khi các Ngài hưởng hết phước trời sắp đi đầu thai thì năm thứ tướng này hiện ra: 1 - Quần áo thường dơ bẩn. 2 - Trên đầu tóc rối, hoa tàn tạ. 3 - Thân thể hôi nhe. 4 - Dưới nách thường ra mồ hôi. 5 - Không thích chỗ ngồi của mình.]. Nay nghe được tâm trong sạch màu nhiệm như hoa sen, đồng thời rõ được yếu chỉ xuất thế, mừng rỡ tự biết sẽ là Phật, nên cùng nhau khen ngợi vậy.

Trong phẩm Thí Dụ, nhà lửa là dụ cho ba cõi, sáu đường. Lửa là dụ cho sanh, già, bệnh, chết v.v... tám thứ khổ và vô lượng phiền não. Ông Trưởng giả là dụ cho Phật. Các con ông Trưởng giả là dụ cho đệ tử Phật. Ba xe là dụ cho lời dạy thuở xưa. Nhất thừa là chỉ cho cơ lớn vui thích. Chàng cùng tử bỏ cha chạy trốn là dụ chúng sanh mê căn nhận thức. Mà thức thì tản mạn theo sáu trần, chưa từng phản chiếu lại căn nguyên. Đã nhờ tiếp nhận, mà vẫn còn tự khi ta là phàm phu, lòng không chút hy vọng.

Than ôi ! Đức Thế Tôn đành nhận tướng phàm phu mà tùy nghi vì nói.

Kệ rằng:

Thân tử mong nhờ nhận trước tiên,
Hoa Quang cõi Phật quả y nhiên,
Các trời hớn hở vui đồng tánh,
Hai dụ tuyên dương rõ đốn viên,

Đầu hứa ba xe, sau tặng một,
Trước cho nhà cỏ cuối thêm kiên,
Trong đây quyền thật đều phô diễn,
Được ý quên lời mới là hiền.
Thân tử cung mông thọ ký tiên,
Hoa Quang Phật độ quả y nhiên,
Chư thiên hỷ tán minh đồng tánh,
Nhị dụ tuyên dương hiển đôn viên,
Sơ thuyết tam xa chung dữ nhất,
Tiền cư thảo xá hậu gia kiên,
Cá trung quyền thiết câu phu diễn,
Đắc ý vong ngôn thủy thị hiền.



PHẨM DƯỢC THẢO DỤ VÀ HÓA THÀNH DỤ

Dược thảo dụ là nói căn có lớn nhỏ, trí có chậm mau, cơ có sâu cạn.

Bởi trong chúng Thanh văn, hoặc nghi rằng pháp Đại thừa này, hạng trí lớn như Xá-lợi-phất, mới có thể lãnh thọ, bọn ta đâu kham nổi, nên đức Phật dùng thí dụ mà sách tiến họ. Bảo họ biết pháp ấy có thông cả lớn nhỏ, kẻ thượng trung hạ trí đều có thể đồng tu, chỉ ở phương tiện chứng đắc có mau chậm chẳng đồng thôi. Cũng như một trận mưa nhuần thấm khắp hết, mà các cây cỏ hấp thụ có khác nhau, song nhuần thấm vẫn là một. Tu hành chỉ nương nơi tâm Diệu liên hoa này, một bề hướng thẳng tới trước cũng có lúc đến nhà.

Hóa thành dụ là lời dạy thưở trước, nói nhân, nói duyên, nói giới, nói định. Hàng đệ tử Thanh văn tạm diệt thức tâm, trụ trong khô định, gọi là Niết-bàn. Kỳ thật chưa viên mãn tuệ tự tại, mà lại dừng ở trong đó, ấy gọi là dừng nơi hóa thành. Nên trong kinh nói: “Ta dù trước nói các ông được diệt độ, chỉ hết sanh tử, mà thật chẳng diệt. Nay các ông hãy gắng tiến lên, chỉ có trí tuệ Phật”.

Thế thì biết, kinh này mục đích là xiển dương Phật tuệ, biểu lộ Phật tri kiến, khuyên bảo người người cùng tu tiến, thẳng đến đạo tràng tịch diệt, mới là Phật tuệ rốt ráo, bảo sở của đại Niết-bàn.

Kệ rằng:

Cội, cành, nhánh, lá, số nhiều đa,
Chẳng ngoài ba bậc ấy thôi mà,
Mưa pháp khắp nhuần loài dược thảo,
Phật thừa cùng thọ hội Liên hoa,
Đại Thông Trí Thắng, nhân còn đó,
Bồ-tát Sa-di, chánh hộ gia,
Chớ kẹt Hóa thành, nên tiến lộ,
Ngay đây Bảo sở, chẳng đâu xa.
Căn, hành, chi, diệt số tuy đa,
Bất ngoại hồ tam phẩm dã đa,
Pháp vũ phổ triêm chur dược thảo,

Phật thừa quân thọ hội Liên hoa,
Đại Thông Trí Thắng chân nhân tại,
Bồ-tát Sa-di chánh hộ gia,
Mạc trệ Hóa thành đương tiến lộ,
Mục tiền Bảo sở đạo phi hà.



PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ, THỌ HỌC VÔ NHÂN KÝ VÀ PHẨM PHÁP SƯ

Hàng Hữu học, Vô học (Các vị chứng từ quả A-na-hàm trở xuống chưa được giải thoát còn phải học tập nên gọi là Hữu học. Các vị nào chứng quả A-la-hán đã được giải thoát thì đối trong pháp Thanh văn không còn phải học tập gì nữa nên gọi là Vô học.) đều được thọ ký, cho đến hạng người chỉ nghe một kệ, một câu, hoặc tùy hỷ cúng dường kinh này, cũng đều được Phật thọ ký cho đạo Bồ-đề.

Bởi được nghe kinh này, dù chưa lên địa vị thánh, nhưng đã thấy chân nhân, xưa nay trong sạch. Đã có nhân như thế, hẳn được quả như thế. Dụ như có sẵn châu báu trong chéo áo. Lại như đào giếng ở chỗ cao nguyên, đã thấy đất ướt, biết chắc rằng nước chẳng còn xa.

Đất ướt là nhân gần của nước, tâm trong sạch là hạt giống của Bồ-đề. Lục Tổ đại sư khi trao tâm ấn, Ngài từng dạy kệ:

Đất tâm sẵn các giống,
Mưa khắp mầm chồi sanh.
Chóng ngộ, hoa tình sạch,
Bồ-đề quả tự thành.

Kệ rằng:

Kiều Trần Như, cùng các bạn thân,
Cả thầy năm trăm nhận một lần,
Hữu học thầy đều sẽ làm Phật,
Thanh văn cũng được chứng Năng nhân,
Nghe kinh cúng dường rõ chân tánh,
Tùy hỷ xét tu, trồng chánh nhân,
Chẳng khác cao nguyên đào tìm mạch,
Thấy bùn biết nước đã kề gần.
Kiều Trần Như đặng tích duyên nhân,
Ngũ bá quân mộng thọ ký ân,

Hữu học diệc đồng dương tác Phật,
Thanh văn hàm cộng chứng Năng nhân,
Văn kinh cúng dường minh chân tánh,
Tùy hỷ tư tu thực chánh nhân,
Dụ nhược cao nguyên chi tạc tỉnh,
Kiến nê tri thủy dĩ tương thân.



PHẨM HIỆN BẢO THÁP

Tháp Phật Đa Bảo vọt hiện lên chứng minh, là trung biểu cho Diệu pháp của tâm bản lai thanh tịnh, được sự hộ niệm của các đức Phật thuở quá khứ và sự ủng hộ gìn giữ của các đức Phật thời hiện tại, cũng là chỗ tu chứng của các đức Phật trong tương lai. Số mục theo đời chia làm ba, nhưng tâm này chỉ là một. Từ xưa đến giờ, trước sau chẳng khác. Cũng chẳng theo trình tự đối đời của ba thuở. Thế nên, kinh Kim Cương nói: “Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai cũng chẳng thể được.”

Lại Phật Đa Bảo là trung biểu cho Pháp thân. Hiện tại đức Thích Tôn là trung biểu cho Ứng thân. Chư Phật phân thân khắp nơi trong mười phương là trung biểu cho Hóa thân. Đây nhằm bày tỏ ba thân cùng một lý vậy.

Tháp bảy báu là trung biểu bảy đại, năm uẩn, thân và tâm. Đức Phật ở trong đó khen “Lành thay” đối với đức Thích Tôn, đây là trung biểu Pháp thân Phật, ẩn kín trong lâu năm uẩn bảy đại mà phát huy ra sáu căn thấy, nghe, hiểu, biết ấy vậy. Chính trong kinh Lăng Nghiêm nói Như Lai tạng tánh là đầy. Đại chúng muốn mở cửa tháp báu để thấy đức Đa Bảo Như Lai. Nhưng đức Phật kia có lời thệ lớn, là cần đợi các phân thân của đức Thích Tôn trong mười phương nhóm họp đông đủ, Ngài mới xuất hiện. Đây là trung biểu cho hành nhân, muốn tự thấy tâm thể xưa nay của mình, tức phải thu cái nhìn nghe trở lại. Thu nhiếp sáu căn, chẳng cho căn tán loạn ngoài cảnh giới sáu trần. Đến lúc một niệm không sanh, liền đó tự thấy tâm thể xưa nay của mình.

Bởi tâm thể không hình, nhưng tác dụng của tâm có dấu vết, ứng hiện ra các căn. Hợp cơ, chỉ hiển bày kiến căn, mà sáu căn vẫn đủ. Căn là chỗ của tâm quang ứng dụng, tâm tức là căn thể xưa nay. Đây là tâm căn soi lẫn nhau, thể dụng đều rõ rệt. Muốn thấy bản tâm, từ căn mà vào. Trong kinh nói: “Từ ánh sáng mà được lửa, nắm mũi là dắt cả con trâu”.

Lại đức Phật Đa Bảo trung biểu cho tâm thể xưa nay. Đức Thích Tôn trung biểu cho ứng dụng của căn tánh. Các Hóa Phật trung biểu cho thức tán mạn theo sáu trần. Nay thì chuyển thức đến dụng là nghĩa các phân thân nhóm họp. Nhiếp dụng về thể là nghĩa được thấy Phật Đa Bảo. Hai đức Như Lai cùng ngồi một tòa trong tháp, là nghĩa xưa nay

một lý, cũng chính là nghĩa thể dụng không hai. Lại có nghĩa là ba thân đồng một thể.
Các học giả, phải hiểu như thế !

Kệ rằng:

Nhân gì tháp báu vọt trước đây,
Lại nghe trong đó tiếng “Lành thay”,
Đại Nhạo Thuyết Tôn, nghi đến hỏi,
Thích-ca Văn Phật quyết tỏ bày,
Phân thân vốn thật Mâu-ni hóa,
Tháp báu nguyên là cổ Phật đài,
Đấy chỉ ba thân về một chỗ,
Tòa sen cùng ngự, lý không sai.
Nhân hà bảo tháp dựng tiền lai,
Cánh thánh kỳ trung tán thiện tai !
Đại Nhạo Thuyết Tôn nghi trí vấn,
Thích-ca Văn Phật quyết minh khai,
Phân thân bản thị Mâu-ni hóa,
Bảo tháp nguyên chân cổ Phật đài,
Đáo thủ tam thân qui nhất xứ,
Liên hoa đồng tọa lý vô sai.



PHẨM ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

Phẩm Đề-bà-đạt-đa, là chỉ cho người tu hành đã ngộ tâm Diệu liên hoa. Lúc muốn tu tiến phải như đức Thế Tôn, trong tâm chỉ còn Diệu pháp, cõi bỏ mọi yêu thích, quên mất nỗi nhọc nhằn, sẵn tới trong gian lao, và nhẫn nhục phát tinh tấn lớn, mong mỗi đến thành Phật mới thôi. Người xưa nói: “Thấy người hiền, nghĩ rằng ta sẽ được như họ, thấy kẻ ác, trong tâm hãy tự tỉnh lấy !”.

Nhưng trong tiết này, là trung biểu lia tướng ngã, xả sân hận, kiêu mạn, giải đãi... Chính cái tâm hay xả ấy, bèn thành hạt giống trí tuệ, nên rồi Đề-bà cũng sẽ làm Phật. Đến như việc Long nữ thành Phật, lý cũng rất u huyền.

Xét ra, vì nhiều tham dục, nên phải đọa vào loài súc sanh, mà rồng là loài có ưu thắng hơn các loài khác. Hơn thế nữa, đã thọ thân cái trong loài rồng, thì tâm ngu si, tham dục kia, hẳn lớn không gì hơn. Thế mà được đức Văn Thù giáo hóa cũng có thể làm Phật. Bởi Văn Thù là tượng trưng cho hạt giống trí tuệ. Bảo rằng, kia tuy thọ thân rồng cái, mà cũng hàm chứa hạt giống trí tuệ. Kia, sau khi cõi viên bảo châu dâng lên đức Phật, là trung biểu đã xa lia tâm tham dục, gìn giữ tâm trí tuệ. Liền chuyển nữ thân thành tướng nam tử, đó là trung biểu cho tâm bỏ tham dục, liền thành giống trí Bồ-đề. Qua phương nam, nơi cõi Vô Cấu liền thành Chánh giác. Phương nam tức tâm địa rộng sáng. Vô Cấu tức sạch trong. Liền thành Chánh giác tức chỉ cho đã ngộ đạt tâm châu, xưa nay rồng rang sáng suốt, trong sạch, bèn chóng vượt hành tướng của ba thừa bốn quả, tiến thẳng vào chân tế, thì làm sao nghiệp báo của sáu đường mà có thể trói buộc được ư ? Tổ sư Vĩnh Gia nói:

Chúng thật tướng, không nhân pháp,
Sát-na diệt hết nghiệp A-tỳ.

Bởi văn tiết của kinh này, nhằm bày tỏ tất cả chúng sanh trong ba cõi, bốn loài, sáu ngã, đều có Phật tánh. Chỉ vì theo nghiệp thức mà bị trôi lăn trong sáu ngã. Nếu gặp duyên phát giác, được nghe kinh điển Pháp Hoa, thấy được tâm xưa nay trong sạch, liền khi ấy chuyển tham sân si thành Giới Định Tuệ. Thế nào mà chẳng có thể chóng làm Phật ?

Kệ rằng:

Thế Tôn đã từng làm quốc vương,
Vị đạo quên thân chẳng thể lường,
Hái trái cúng dường gìn Diệu pháp,
Lượm cây nấu nướng hiến tiên nhân,
Đành rành nhẫn nhục thành vô thượng,
Đề-đạt, thầy ta việc phi thường,
Long nữ cõi châu dăng đức Phật,
Ý lia tham ái hộ châu vương.
Thế Tôn thường tác quốc vương sơ,
Vị đạo vong bì bất khả tư,
Thái quả cúng dường tôn Diệu pháp,
Thập tâm thiết thực phụng A-tư (Một vị tiên trưởng tên Vô Tỷ, tiền thân của
Đề-bà-đạt-đa.)
Thử minh nhẫn nhục thành vô thượng,
Thùy tín Đề-bà thị ngã sư,
Long nữ xả châu trì thượng Phật,
Ý ly tham ái hộ châu ky.



PHẨM TRÌ

Tỳ-kheo ni thọ ký, là nhiếp ý việc Long nữ thành Phật ở trước. Bởi sức sanh cái ngộ tâm, còn có thể thành Phật thay, huống là người nữ hộ tâm mà chẳng được đạo hay sao ? Không vì hình tướng để chia nam nữ, một tâm thanh tịnh xưa nay đồng.

Lại Bồ-tát trì kinh, nghĩa là người tu hành muốn hộ trì tâm này, thì chồn chồn nơi nơi, phải mặc áo nhẵn nhục, giữ giáp tinh tiến, cầm kiếm trí tuệ, vào rừng phiền não, dứt giống vô minh, khiến tâm được thường không tịch, tri kiến rộng suốt, không các chướng ngại. Dù hành đạo này, mà bị đánh mắng cũng phải nhịn chịu. Tâm này chẳng tán động, cùng tốt thưở vị lai, trọn không mảy may thối chuyển.

Như gió giữ thế giới, bền chắc chẳng động. Như đất chở chúng sanh không chút nhàm mỏi. Đây mới thật là Phật tử biết gìn giữ tâm, cũng chính là người hoàn toàn không có ngã, và thật sự là vị Bồ-tát hộ pháp vậy.

Kệ rằng:

Chớ đem năm chướng bóng chur ni,
Thọ ký rành rành chẳng thiếu gì,
Di Mẫu ngộ tâm, thành Chánh giác,
Da Thâu kiến tánh, chứng Bồ-đề,
Đã hay thấy đạo, mới hành đạo,
Rõ suốt vô vi, nói hữu vi,
Bồ-tát trì kinh nào có tướng ?
Pháp nhãn vô sanh khéo siêng trì.
Hưu tương ngũ chướng bóng chur ni,
Thọ ký chi trung diệc hữu chi,
Di Mẫu ngộ tâm thành Chánh giác,
Da Thâu kiến tánh chứng Bồ-đề,
Dĩ năng kiến đạo phương hành đạo,
Liễu đạt vô vi thuyết hữu vi,
Bồ-tát trì kinh hà hành tướng,

Vô sanh pháp nhãn tự tịnh trì.



PHẨM AN LẠC HẠNH

Bốn hạnh an lạc, là bảo người hộ trì tâm này, nếu ở trong già-lam, hoặc nơi chợ búa, phải khéo nương nơi bốn hạnh an lạc, đáo xứ tùy duyên mà thuyết pháp giáo hóa.

Nhưng hãy lấy giới luật làm trước để dẫn đường, dù cùng lẫn lộn với thế tục, hòa quang mà vẫn tự tại, giữ tâm trong sạch như gìn trồng con mắt.

Trong chứa chí đạo, ngoài chẳng khinh khi kẻ khác. Chí nguyện phải thân được hạt châu trên búi tóc để đại phá bốn ma. Một mai thấy suốt tâm bản lai, ngộ nhập chân như tri kiến địa.

Kệ rằng:

Diệu Pháp Liên Hoa, đề mục trên,
Bản lai thanh tịnh, rộng trời thênh,
Tới lui hành xứ, mắt tâm sạch,
Qua lại thân gia, tránh tị hiềm,
Cũng chẳng khi người, mà tự đại,
Chỉ nên niệm Phật, một lòng bền,
Một mai đại phá ma quân trận,
Tự tín hoa sen, lúc mọc lên.
Diệu Pháp Liên Hoa mục thượng đề,
Bản lai thanh tịnh bất tư nghi,
Vãng lai hành xứ thanh tâm mục,
Xuất nhập thân gia viễn tiểu nghi,
Bất dụng khi tha nhi tự tán,
Chỉ nghi niệm Phật nhất tâm trì,
Nhất triêu đại phá ma quân trận,
Tự tín Liên Hoa chánh phát thì.



PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Đất cội Ta-bà nứt ra, Bò-tát từ dưới đất vọt lên. Bò-tát tượng trưng cho hạt giống trí tuệ Phật. Đất nứt vọt ra là chỉ cho tâm lúc phá hết tình thức vọng tưởng, tức thì hạt giống trí tuệ từ trong đó mà hiển hiện lên. Bởi lúc vọng thức chưa phá, thì trí tuệ bị vọng tưởng che lấp. Mà trí tuệ lại ở dưới đó, chỗ sâu kín rất khó thấy. Nên kinh nói: “Tại thế giới Ta-bà này, trụ trong không trung của phương dưới”, ấy vậy.

Bởi tuy bị vọng thức che đậy, mà chẳng tạp vọng tưởng, chỉ chưa có dịp hiển hiện ra thôi. Nếu chẳng phải kinh này khai thị, thì dù có các người thông minh trong thế gian, đến các bậc lão túc, gồm tất cả suy nghĩ xét lường của họ, chắc chắn cũng chẳng biết. Thế nên, kinh Kim Cương bảo: “Bị người khinh tiện” là đây.

Nay nhờ được khai thị, mới biết vọng tưởng vốn không, giống trí từ trong đó mà xuất hiện.

Kệ rằng:

Đất cội Ta-bà nứt bên trong,
Vô biên Bò-tát vọt lên không,
Di Lạc chẳng tường đại sĩ ấy,
Thế Tôn liền bảo “ngã nhi đồng”,
Thọ kiếp trần sa, tuyên chân giáo,
Từ thuở lâu xa, học chánh tông,
Đấy hiển thức tâm khi phá sạch,
Bồ-đề giống ấy hiện viên thông.
Ta-bà đại địa liệt kỳ trung,
Bò-tát vô biên dũng xuất không,
A Dật bất tri hà đại sĩ,
Thế Tôn vân thị ngã nhi đồng,
Trần sa kiếp thọ tuyên chân giáo,
Cửu viễn thời lai học chánh tông,
Thử hiển thức tâm thời phá liễu,

Bồ-đề chủng tử hiện viên thông.



PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

Phẩm Thọ Lượng là tiêu biểu cho Pháp thân chân thể, xưa nay trong sạch, chẳng sanh chẳng diệt, sống lâu chẳng thể nghĩ bàn. Người tu hành, nên thích thú tinh thần này, đồng thời phát tâm Bồ-đề, mong cầu được chứng. Nếu người chỉ được nghe Phật sống lâu chẳng thể nghĩ bàn, một lòng tin nhận, thì người ấy được trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn, công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn, đời tương lai ắt chứng được “sống lâu chẳng thể nghĩ bàn” như thế. Bởi hiển bày thức tâm sanh diệt đã diệt, thì chân tâm tịch diệt, chẳng sanh chẳng diệt hiện tiền. Kinh nói: “Này thiện nam tử, các ông nên tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai”. Phật bảo ba lần như thế.

Khi đó, trong chúng đại Bồ-tát, ngài Di Lặc làm thượng thủ, đồng chấp tay bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, cúi xin Ngài nói, bọn chúng con sẽ tin nhận lời của Ngài”. Bạch rõ ba lần như vậy.

Nay kẻ tôi hạ bản tiện Giác Đạo Tuân này, xin cúi đầu qui mạng lễ. (Lược phần xưng danh hiệu Phật).

Kệ rằng:

Nghe rồi xoay thấy chủ nhân ông,
Mới rõ tu chân chẳng dụng công,
Hay chuyển pháp luân, trần số chúng,
Quay về giác đạo, tịnh tâm đồng,
Được nghe Phật thọ lâu xa tit,
Phước lớn nhân duyên bằng thái không,
Tạo tác cúng dường, công hữu lậu,
Suy lường thọ mạng, đức vô song.
Văn tư hồi kiến chủ nhân ông,
Thủy giải tu chân bất dụng công,
Năng chuyển pháp luân trần số chúng,
Toàn qui giác đạo tịnh tâm đồng,
Đắc văn Phật thọ di trường viễn,

Hoạch phước nhân duyên đẳng thái không,
Tạo tác cúng dường công hữu lậu,
Tư duy thọ mạng đức vô cùng.



PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC, TÙY HỖ

CÔNG ĐỨC và PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

Phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Do kinh này, nguyên lai là mở bày thức tâm vọng tưởng của chúng sanh, chỉ rõ tri kiến Nhất thừa Phật tuệ thanh tịnh. Nên vào đầu kinh phóng quang có hai ý:

Nhân ánh sáng mà được thấy rõ.

2- Hiện cảnh mà dẫn khởi thức tâm. Khiến hạng người chấp thức sanh nghi, để rồi theo chỗ nghi ngờ của họ mà chỉ bày. Di Lặc đương cơ khởi nghi, ấy vì Di Lặc từ xưa đến giờ dùng thức mà tu. Nhưng thức thì nhiều lưu chuyển, niệm niệm sanh diệt. Trong đoạn kinh trước nói: “Lòng thường ôm giải đãi, say đắm nơi danh lợi, cầu danh lợi không chán, luôn dạo nhà giàu có”.

Đoạn kinh nói trên là chỉ cho thức tâm vậy. Lấy Di Lặc mà ví cho cả chúng sanh, từ vô thủy đến giờ, chấp vọng thức này làm thể. Nay trên hội được nghe kinh Pháp Hoa, khế hợp với bản tâm, chân như thanh tịnh, chẳng sanh chẳng diệt. Mới hay tâm này, là nhân chánh thành Phật. Nương nơi đây tu hành tiến vào, thì mỗi pháp mỗi pháp đều là công đức, thẳng đến thành Phật, lại chẳng còn theo vọng thức lưu chuyển nữa. Đó cũng là tiêu biểu cho nghĩa chuyển thức thành trí vậy.

Nên biết, nếu có được nghe kinh này, quyết định tương lai thành Phật. Thế nên đều phải tùy hỷ.

Nhưng tùy hỷ kinh này lần lượt đến người thứ năm mươi, công đức của người này, chẳng thể đem những công đức khác, mà có thể so sánh bì kịp. Hướng nữa là Pháp sư, siêng năng thọ trì đọc tụng kinh này, thì tự thấy thiên chân chẳng động, sáu căn thanh tịnh bản nhiên. Đây là công đức của Pháp thân, dù có tính đếm, thí dụ, cũng chẳng lường xiết.

Kệ rằng:

Dật-đa hội ngộ, chánh nhân đồng,
Xin hỏi Năng nhân, lường xét công,
Tùy hỷ vì người mà chỉ dạy,

Văn Tư Tu tự chứng viên dung,
Vĩ chẳng thí chủ công tuy lớn,
Đâu sánh nghe kinh, đức chẳng cùng,
Huống nữa thọ trì siêng giảng thuyết,
Sáu căn thanh tịnh hiển thân thông.
Đạt-đa hội ngộ chánh nhân trung,
Thỉnh vấn Năng nhân giáo lượng công,
Tùy hỷ vị tha nhi chuyển giáo,
Văn Tư Tu tự chứng viên dung,
Thí du thí chủ công tuy đại,
Hạt nhược văn kinh đức bất cùng,
Hà huống thọ trì tinh tiến thuyết,
Lục căn thanh tịnh hiển thân thông.



PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT

Phẩm Bản sự của Bồ-tát Bất Khinh. Đây nói việc trước đã từng làm, là nhiếp ý sáu căn thanh tịnh ở trước. Nghĩa là Phật xưa lúc thực hành đạo Bồ-tát, tâm hành bình đẳng. Biết rõ tất cả chúng sanh thầy đều có Phật tánh, sáu căn thanh tịnh bản nhiên. Mỗi mỗi đều sẽ làm Phật, nên thường thực hành hạnh phổ kính, lòng không chút ngã mạn.

Chẳng nghĩ mình trì giới mà khinh kẻ hủy phạm. Chẳng cậy có trí tuệ mà cho kia ngu si. Cũng chẳng khoe mình cao quý mà xem thường người hạ tiện... Cho đến thấy các loài bò bay máy cựa, côn trùng nhỏ nhít cũng chẳng bỏ lòng thương xót, mà thầy đều mến yêu và càng bảo bọc chúng hơn. Chính đây là lòng từ bi bình đẳng, là nghĩa bất khinh vậy. Người tu hành phải nên học như thế !

Lại bất khinh còn ám chỉ người tu hành, chẳng nên tự khinh mà thoái khuất.

Nên biết sáu căn trong sạch, tâm thể xưa nay của mình cùng chư Phật không khác. Các Ngài đã được làm Phật, tại sao ta lại cố thủ ngu si để làm gì? Cổ đức có câu: “Kia đã trượng phu, ta cũng vậy”.

Đến chỗ này, các học nhân cần phải nhận rõ. Lại kinh Kim Cương cũng có dạy: “Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp”.

Kệ rằng:

Đọc kinh tìm lý chớ lồi đồng (Lồi đồng có hai ý: - Hạng người sống mất chủ quyền, sai gì làm nấy, hô đầu giáng đó...- Hành giả không đạt được lý, chẳng nhận ra tâm, hằng bị giặc phiền não kiết sử sai khiến.)

Xét kỹ mới hay hợp chánh tông,
Tin chắc chúng sanh có Phật tánh,
Chớ khi tự thoái, giữ ngu mê,
Bồ-tát Bất Khinh cơ dụng lớn,
Tỷ khru thượng mạn mịt mờ đồng,
Người trí biết rành sẽ làm Phật,
Không như nhóm ấy lạc ngoan không.

Độc kinh cầu lý mạc lồi đồng,
Tế khán phương năng khế chánh tông,
Khả tín chúng sanh giai Phật tánh,
Bất ưng tự khuất thủ ngu mông,
Bất Khinh Bồ-tát cơ quan đại,
Thượng mạn Tỷø khuru hồi ám trung,
Trí giả tự tri đương tác Phật,
Vô như bỉ chúng lạc ngoan không.



PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC và PHẨM CHỨC LỰY

Phẩm Như Lai hiện thần lực. Đây là lúc đem trao Diệu pháp một đại sự nhân duyên. Bởi trong kinh, trước phóng quang để bày tỏ nhân căn thấy tánh. Thấy tánh này, ứng dụng từ trong tâm thể xưa nay trong sạch, vô lượng nghĩa, chẳng thể nghĩ bàn. Khiến các chúng sanh trở lại cái thấy tánh đó, xoay về quán bản tâm xưa nay của mình, mà ngộ nhập tri kiến Phật.

Tiếp đó dần dần khai diễn, tâm căn vốn cùng một nguồn với tri kiến, đồng một thể dụng chẳng phải hai. Cho đến cả sáu căn, cũng đồng là ứng dụng của tâm trong sạch xưa nay. Tâm này tức là nhất đại sự tri kiến Phật vậy. Đại chúng đã nhận ra nhưng nơi cửa sáu căn chưa biết nên từ căn nào mà vào, mới là Diệu pháp tối thượng. Nên Phật lại phóng quang, trưng biểu cùng việc phóng quang trước chẳng khác. Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, tức là biểu hiện sẽ nói pháp lớn rất ít có. Cũng lại tiêu biểu cho thiệt căn hay diễn thuyết pháp âm đại thừa, khiến cho người nghe tâm họ có thể ngộ nhập. Lưỡi là mầm mống của tâm, lưỡi nói chính là tâm nói vậy.

Kế lại tăng hắng, khảy móng tay phát thành tiếng. Đây chính là phút giây đối mặt thân trao pháp lớn. Bởi chỉ cho nhân tiếng để bày ra tánh nghe của nhĩ căn. Mà nhĩ căn viên thông thường tỏ rõ, năm căn chẳng sánh kịp. Thế nên đức Phật tăng hắng, rồi khảy móng tay, mật lệnh hãy tự hiểu lấy. Thâm dạy từ nhĩ căn mà vào. Kinh Lăng Nghiêm nói:

Chân giáo thể phương này,
Thanh tịnh tại nghe tiếng,
Muốn được Tam-ma-đê,
Thật từ nghe mà vào.

Lại bảo: “Chỉ dùng căn này tu viên thông, vượt hơn các căn khác”. Nhưng đức Phật chẳng dùng tiếng pháp bày tỏ nhĩ căn là biểu hiện lia tướng nói năng. Dùng âm thanh tăng hắng, khảy móng tay, để nêu rõ nhĩ căn là biểu hiện lia tướng tâm duyên. Tỏ ý chỉ tánh nghe của nhĩ căn đầy đầy tròn sáng mà thôi. Chư Phật đồng phóng ánh sáng cho đến đồng tăng hắng và khảy móng tay là trưng biểu mười phương các đức Phật đồng một đạo này. Lại, trưng biểu cho tánh thấy nghe hiểu biết linh minh của đương cơ, nhất thời đồng khắp mười phương cõi nước của chư Phật, rỗng suốt không ngại không tạp.

Nên biết tiết này cùng kinh Lăng Nghiêm chỗ nêu bày số lượng công đức của sáu căn, để lựa chọn trong căn viên thông cái thông lợi bậc nhất thì từ căn này mà vào. Đánh chuông là để hiển lộ tánh nghe chân của nhĩ căn, minh lợi viên thông thường tỏ rõ rất là thù thắng. Kinh này thì tăng hắng, khảy móng tay, cũng cùng một ý nói trên. Kinh nói: “Tiếng tăng hắng và tiếng khảy móng tay của chư Phật nghe khắp mười phương cõi đất đều có sáu điệu vang động”.

Quan trọng ở hai chữ “nghe khắp” vậy. Lại tăng hắng tức là bảo cho biết việc đó để xoay trông lại. Còn tiếng khảy móng tay là để chỉ cho đã quét sạch tất cả, xưa nay không pháp có thể thuyết. Chỉ thẳng cái linh minh đó nghe khắp rỗng suốt mười phương là tự tánh trong sạch xưa nay của các ông đây. Người nghe nên như thế mà ngộ nhập.

Sau là phẩm Chúc Lụy. Bởi trước là tự lợi, đến đây bảo phải lợi tha, tuyên dương rộng rãi pháp này, lưu bố khắp nơi chớ sanh keo kiệt. Như trong kinh Lăng Nghiêm có đoạn ngài A-nan tự phát thệ: “Mình chưa được độ, trước độ người là phát Bồ-tát tâm. Tự giác đã xong, hay giác ngộ kẻ khác là Như Lai ứng thế. Con dù chưa được độ, nhưng nguyện độ tất cả chúng sanh đời sau...”

Trong phẩm Chúc Lụy này nhằm nêu bày ý dẫn trên.

Kệ rằng:

Như Lai thần lực rất lạ kỳ,

Chính đã hợp căn, trao pháp thì,

Lưỡi ấy, đành rành truyền đại giáo,

Tiếng ho thâm bảo nhận văn tri,

Một phen cùng chứng Chân nhân địa (Chân nhân địa hay Đại Mâu-ni: Tức chỉ cho nhân địa và quả vị vô lậu, giải thoát cùng tột, pháp thân hiển lộ, bi trí viên mãn, lợi mình, lợi người cùng khắp. Bài kệ cuối của Tam Thập Tụng Duy Thức nói: Thử tức vô lậu giới, Bất tư nghi, thiện, thường, An lạc giải thoát thân, Đại Mâu-ni danh pháp.)

Tay khảy viên dung Đại Mâu-ni

Cúi nhận Như Lai thân trao phó,

Gió hoa tuyết nguyệt mặc thi vi.

*

Giao phó cho rồi Trí vô sư (Trí vô sư: Trí tuệ bản hữu, không phải thứ kiến giải tập thành hằng ngày. Mọi người đều sẵn có thứ trí tuệ này, nó hiện bày một cách độc đáo và tự nhiên khi cơ duyên hội đủ.)

Liên khuyên phát khởi Đại vân từ (Đại vân từ: Từ tâm bình đẳng cùng khắp như đám mây lớn, nó không còn đối tượng năng sở và chủ thể khách thể hay bất cứ một lý do nào.)

Đây thuyền giải thoát đưa người khổ,

Kìa đất yên vui sống như như,

Như như chớ tưởng như núi đá,

Bốn tướng oai nghi cũng như như,

Lợi mình lợi người đâu lẫn tiếc,

Khiến khắp quần sanh vào Vô dư (Niết-bàn tối hậu không còn thừa sót, tức là đại Niết-bàn của Phật quả vậy. Tám câu thơ sau, bốn câu đầu là do dịch giả dựa ý bài thơ trước diễn ra để hợp vận với bốn câu kết của tác giả.)

Như Lai thân lực diệu nan tư,

Chánh thị đầu căn phó pháp thì,

Thiệt tướng đặc minh truyền đại giáo,

Khái tỉnh linh giác ngộ văn tri,

Nhất thời cộng chứng chân nhân địa,

Đàn chỉ viên dung đại Phật thừa,

Diện phụng Như Lai thân chúc thọ,

Phong hoa tuyết nguyệt nhất như như,

Như như bất thị như sơn thạch,

Tứ oai nghi nội diệc như như,

Tự lợi lợi tha chung bất lận,

Phổ linh quần hữu nhập vô dư.



PHẨM DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BẢN SỰ

Phẩm Dược Vương Bồ-tát bản sự là nhiếp phẩm trước. Đã vào căn Đại thừa này, hẳn phải lìa ngã ái và pháp ái. Chớ ưa giao du với người, hãy bỏ các nơi ồn náo, nhiếp niệm ở chốn núi rừng, và phải hết lòng lắng nghe ! Kinh Kim Cương có câu: “Pháp còn nên bỏ, huống nữa phi pháp”.

Nên biết từ phẩm này trở về sau, đều chỉ rõ chỗ Văn Tư Tu ấy, để thứ lớp mà tiến vào, trực phá năm ấm, hiểu suốt ba không vậy. Nay từ phẩm này trước phá sắc ấm. Vì sắc ấm là lớp vọng tưởng bền chắc thứ nhất rất khó phá, nên phải phát tinh tiến lớn, chẳng tiếc thân mạng, mới có thể phá nổi. Như Bồ-tát Hỷ Kiến đốt thân cúng Phật. Đây nhằm bày tỏ vì đạo quên mình. Dù vào đồng lửa lớn phiền não, mà cũng chẳng thoái thác.

Lại cũng tượng trưng cho người mới vào căn này, trước được nhân không, là nhiếp động về tịnh, yên trụ trong cảnh tịnh. Sau đó tái sanh, là chúng tỏ chẳng đắm trước cảnh tịnh. Phải ở trong cảnh tịnh mà phát giác, chẳng rơi vào hầm tối hôn trầm, khiến cho tánh nghe thường rõ ràng, ánh sáng trí tuệ lạng lẽ chiếu soi, không như cái lạng lẽ của loài vô tình núi đá kia vậy. Thiền sư Hoàng Bá dạy:

Chớ chỉ quên mình với tử tâm,
Cái đó khó trị, bệnh rất thâm.

Cần kíp mạnh mẽ cảnh tỉnh lấy ! Thân sau lại bỏ hai cánh tay là chỉ cho động tịnh cả hai đều quên, nhân ngã cả hai đều bật. Lập thế hoàn phục như cũ, đây để chứng minh là đã được hai cánh tay phước đức trí tuệ của Phật vậy. Kinh nói: “Do đây, Bồ-tát phước đức trí tuệ và đôn hậu đến thế ấy”.

Nên biết rằng tiết này đồng với kinh Lăng Nghiêm chỗ thứ tự mở sáu gút của sáu căn.

Kệ rằng:

Nên biết không xưa nay chẳng kham,
Công án tiền nhân cần phải tham,
Nhận kỹ, Dược Vương nhân việc trước,
Xét cùng, Hỷ Kiến hạnh cao thâm,
Nghe kinh được định, bày rạng đức,

Cảm nhận đốt thân, bỏ ý tham,
Chứng tỏ nhân không lìa tướng ngã,
Người nghe mãnh tĩnh, kiếm tri âm.
Tu tri vô cố bất thành tâm,
Công án tiền nhân hậu khả tham,
Tế nhận Dược vương nhân bản sự,
Đế quan Hỷ Kiến hạnh trung đàm,
Văn kinh đặc định thân minh đức,
Cảm Phật phần thân khí sở tham,
Chánh hiển nhân không ly ngã tướng,
Văn nhân mãnh tĩnh mịch tri âm.



PHẨM DIỆU ÂM BỒ TÁT

Phẩm Diệu Âm, là nhiếp phẩm Dược Vương trước. Ý bảo rằng, căn này từ lúc mới vào, vẫn cần nhờ các âm thanh, để bày tỏ tánh nghe, tiêu mòn vọng niệm, vào Xa-ma-tha. Dần dần vào sâu, giữ nơi chí tịnh. Cho đến cả động tịnh đều quên. Phải ngay nơi đây mà vào Tam-ma-địa. Khi đó chẳng cần thanh trần hiện bên ngoài nữa, mà ở trong tự có diệu âm, riêng sáng, độc chiếu. Thiền sư Cổ Linh Thần Tán (Bài thơ này của Tổ Bá Trượng.) nhắc lại:

Linh quang riêng chiếu,
Vượt khỏi căn trần,
Bày thể thường chân,
Chẳng kẹt văn tự.

Đây là lúc rõ được pháp không vậy.

Tiết này lấy Bồ-tát Hoa Đức làm hợp cơ, mà được Pháp Hoa Tam-muội. Nói Hoa, đó là tri kiến. Còn Đức là diệu thể của các đức đầy đủ trong bản tánh. Tóm lại, nói Hoa Đức là nhằm tiêu biểu cho tánh tự nghe tánh, tâm tự biết tâm, cũng chính là nghĩa minh tâm kiến tánh vậy.

Nói Pháp Hoa Tam-muội. Pháp tức là Diệu tánh chân như sẵn có. Hoa tức tánh ấy đủ Diệu năng Tri kiến thanh tịnh. Tam-muội hoặc bảo là tam-ma-đề, đây nói rằng chánh thọ, cũng gọi rằng chánh định. Lại gọi là định tuệ đẳng trì, tức là nghĩa chánh quán vậy. Đây nói rõ, chính được đại định sẵn có tri kiến chân như, cũng là phá lớp vọng tưởng hư minh của thọ ấm thứ hai.

Kệ rằng:

Đảnh Phật thân quang tịch chiếu thông,
Diệu Âm Bồ-tát hiện thân dung,
Rộng phô tam-muội nêu tri kiến,
Bày hiện Nhất thừa, rõ đạo tông,
Thể dụng về như, nghe tức tiếng,
Căn trần rốt ráo, sắc mà không,

Chương này mượn huyễn bày chân tế,
Giáo thể từ nghe vào thật dòng.
Phật kế thân quang tịch chiếu không,
Diệu Âm Bồ-tát hiện thân dung,
Quảng tuyên tam-muội chương tri kiến,
Trợ hiển Nhất thừa thị đạo tông,
Thể dụng qui như tinh tức thính,
Căn trần cứu cánh sắc nhi không,
Thử chương tá huyễn minh chân tế,
Giáo thể tùng văn nhập thật trung.



PHẨM QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN

Phẩm Phổ Môn là tánh quán tự tại, ứng khắp quần cơ. Đây chính nói rõ phương pháp chóng ngộ của thiên-na, để tự thấy tâm thể xưa nay trong sạch của chính mình. Bởi nhiếp trong phẩm Diệu Âm trước, dù đã cùng lìa động tịnh các thính trần bị nghe, song vẫn còn chấp có tánh nghe hay nghe, chưa đạt được bản tâm, thể tịch diệt xưa nay là chân như. Đến đây, mới vừa tận mặt, mới biết tâm thể vốn hư linh. Ứng hiện phổ môn, tùy thời phó cảm, cứu khổ độ sanh, ứng vật hiện hình, như trăng đáy nước, chẳng cuộc nhĩ môn, nên nói là Phổ Môn. Đây cũng nhằm bày tỏ đã nhận được Phật tuệ chân không, ứng hiện tự tại là khi chóng rõ không không vậy.

Lại phẩm Diệu Âm ở trước, cũng có ba mươi hai ứng, đồng như phẩm Phổ Môn này, mà chẳng nói tự tại, là có sao ?

Đây là chỗ cơ yếu trong cửa huyền, rất khó xét lường. Bởi nhân tiếng mà thành nghe, nhân nghe mà thành tiếng. Song tiếng, nghe cùng quán sát thì một lúc đồng hiện, cho nên ứng dụng cũng đồng dấu vết kia. Nhưng, trong kinh Diệu Âm có tướng đến đi, còn Quán Âm là nói nghiệp tự tại, vì Diệu Âm tức là tánh hay nghe. Do lúc có âm thính, thì tánh hay nghe mới bày ra, lúc không âm thính thì tánh hay nghe tự lặng lẽ. Đó là chỗ mà Diệu Âm có dấu vết đến đi, tiêu biểu cho tánh hay nghe theo cái có không, sanh diệt của tướng âm thính. Khác nào những hình bóng không thật trong gương kia. Lại, như hành khách tạm dừng rồi đi, nên chẳng tự tại. Nói Quán Âm là nghiệp tự tại. Nghiệp chính là bản tâm, là chủ nhân ông. Tự tại tức là bản tâm linh tri, cũng là chủ nhân ông. Bởi nghe có nghe không, tự là thính trần hoặc có hoặc không, mà linh tri biết có biết không đó, chân quán thường tự tại. Thế thì, không tiếng đã không diệt, có tiếng cũng chẳng sanh, tức chẳng sanh chẳng diệt, không đến không đi, và chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải động chẳng phải tịnh, tất cả đều chẳng phải, đó là chân quán tự tại. Lại, tức sanh tức diệt, tức đến tức đi... tất cả đều tức, đó là đại Bồ-tát. Trong kinh có đoạn:

Quán chân ,(Dùng chân trí soi tỏ chân lý.) quán thanh tịnh (Rõ thấu *pháp tánh thanh tịnh.*)

Quán trí tuệ rộng lớn (Trí tuệ rộng lớn suốt thấu tất cả pháp.)

Quán bi (Khởi tâm đại bi vô biên, luôn xét nỗi khổ của mọi loài để

cứu vớt chúng.) và quán từ, (Vận tâm đại từ vô lượng, thường xem mọi loài ưa thích những gì để ban bố niềm vui cho chúng)

Thường nguyện, thường chiêm ngưỡng,
Sáng trong sạch không như,
Trời tuệ phá các tối,
Hay dẹp vạ gió lửa,
Sáng soi khắp thế gian.

Tiết văn này, chính là nêu rõ trí đại viên cảnh, Phật tuệ chân không, cảm ứng của Quán Tự Tại, cũng đã phá lớp vọng tưởng dung thông của tướng ấm thứ ba vậy.

Nên biết rằng, phẩm Phổ Môn này, cùng với kinh Lăng Nghiêm chỗ đức Quán Thế Âm nói về nhĩ căn viên thông, từ Văn Tư Tu vào Tam-ma-địa là đồng một ý, chỉ khác nhau ở chỗ kín và bày đó thôi.

Kệ rằng:

Quan san trái khắp thẳng về nhà,
Chẳng biết đường xưa mấy dặm xa,
Gót dẫm Phổ Môn riêng tiến bước,
Quán chân tự tại, tát-bà-ha,
Tùy cơ ứng hiện tìm tiếng cảm,
Chẳng bỏ từ bi độ khổ hà,

Thanh tịnh quán soi, đây tuệ nhật ,(Trời tuệ. Trí tuệ của chư Phật và hàng Bồ-tát. Cũng như ánh sáng mặt trời hay chiếu dẹp tối tăm thế gian, trí tuệ của chư Phật và Bồ-tát chiếu khắp pháp giới, phá tan mây mê lầm của chúng sanh. Trong kinh Vô Lượng Thọ có câu: Tuệ nhật lãng thế gian, Tiêu trừ sanh tử vân. Tóm lại, hành giả khi đạt được pháp thể không hai, chân trí chân lý hiện bày. Bấy giờ sức trí tuệ rộng khắp, lòng từ bi vô hạn và khởi phương tiện lợi lạc chúng sanh.)

Sáng trùm vạn tượng khắp sum la.
Quan san lịch tận đáo ngô gia,
Bất thức từng lai lộ kỷ đa,

Cước đạp phỏ Môn đơn trực nhập,
Đế quán tự tại, tát-bà-ha,
Tùy cơ ứng hiện tâm thính cảm,
Bất xả từ bi độ khổ hà,
Thanh tịnh quán, quán tư tuệ nhật,
Viên minh vạn tượng hiện sum la.



PHẨM ĐÀ-LA-NI

Phẩm Đà-la-ni, đây gọi là Tổng trì. Nghĩa là tổng nhiếp tất cả pháp, và thọ trì tất cả nghĩa. Do vì người tu hành đã thấy được tâm thể xưa nay trong sạch của mình rồi. Phải biết rằng, tâm này vốn đầy đủ hằng sa công đức, và vô lượng pháp môn cũng đều nương nơi tâm này mà diễn xuất. Người nhận đây tu hành, thì sáu độ muôn hạnh thấy đều trọn đủ. Lại, thọ trì mật ngữ, thần lực thầm giúp, có thể mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng, thọ trì đà-la-ni, là biểu lộ tâm này vốn không phân biệt, chẳng thể suy lường, không cho nghĩ nghị, cho đến lừa tất cả tướng ngôn ngữ, văn tự, nghĩa lý... Kinh Kim Cương nói: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng” chỉ linh linh, lặng lặng, sừng sừng chẳng đổi. Thế nên ý nghĩa trong thần chú, không thể diễn giải, chỉ tin nhận và thọ trì, thần công chẳng thể trách nghiệm nổi. Và đây cũng nhằm phá lớp vọng tưởng uẩn của hành âm thứ tư vậy.

Nên biết, tiết này cùng với kinh Lăng Nghiêm, đoạn nói về ba cõi, bảy thú, mười hai loài sanh, tất cả cõi nước hữu vi gồm về trong một tâm này mà sanh. Nếu khi đắc ngộ, thì ba cõi, bảy thú v.v... đều là mộng huyễn, đều do vọng tưởng khởi lên, vốn chẳng có thật.

Giờ đây, thọ trì đà-la-ni, lòng không phân biệt, chẳng khởi vọng tưởng. Thế thì, hội vọng qui chân, chân vốn lặng sáng. Khi đó chẳng còn thấy có tướng ba cõi, bảy thú, cùng tất cả hữu vi nữa. Vì thế chư Phật và Bồ-tát cùng chư thiên, qui thần, đồng thanh nói đà-la-ni, cũng là để chứng tỏ tổng qui ở một tâm này thôi. Tổ sư Vĩnh Gia nói:

Chóng biết rõ, thiền Như Lai,
Sáu độ, muôn hạnh thể tròn bày,
Trong mộng, rõ ràng có sáu thú,
Thức rồi, không không, chẳng đại thiên.

Nói trong mộng, tức chỉ cho trong vô minh vọng tưởng thấy có các cảnh giới vậy.

Kệ rằng:

Tiếng Phạn tên gọi đà-la-ni (người Trung Hoa dịch là Tổng trì. Vị nào chứng được môn Văn trì đà-la-ni thì nghe giáo pháp đều có thể hiểu nhớ tất cả.)

Phương này dịch lại ấy tổng trì,
Độc tụng cần rành viên đốn chỉ,
Thọ trì nên rõ tín diệu tri,
Thần thông tự biến văn linh tử,

Trí tuệ dường non mật ngữ ghi,
Trong tánh tịch diệt không một vật,
Xưa nay một vật tột thi vi.
Đà-la-ni giả Phạm thiên ngôn,
Thử tác phiên vi tổng trì môn,
Độc tụng tu trì viên đốn chỉ,
Thọ trì đương tín diệu chân tồn,
Linh văn cụ túc thần thông hải,
Mật ngữ bao hàm trí tuệ sơn,
Tịch diệt tánh trung vô nhất vật,
Bản lai nhất vật độc xung tôn.



PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BẢN SỰ

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương. Đây là dặn phải khéo hộ trì tâm ấy, biện rành tà chánh. Chớ cho được như thế là tự đủ, rồi sanh lười nhác. Hoặc bị ám ma hoặc loạn, hoặc bị thiên ma nhiễu hại, hoặc lại giữa đường thành cuồng, hoặc lạc nơi đường tà, hoặc do đắm yêu chỗ tập từ trước ôm giữ trong lòng, mà sanh tăng thượng mạn, hoặc là chìm không, hoặc lại kẹt tịch, dừng nghỉ ở hóa thành, chẳng có thể lại tiến lên. Do các duyên này v.v... nên chẳng có thể tiến đến Bảo sở.

Xét thấy vua Diệu Trang Nghiêm là tượng trưng cho người tu hành, là tâm vương của chính mình. Phu nhân Tịnh Đức là tượng trưng cho chánh trí tuệ. Tịnh Tạng là tượng trưng cho chánh tri. Tịnh Nhân là tượng trưng chánh kiến. Nghĩa là người tu hành hay nương nơi chánh trí tuệ, chánh tri, chánh kiến, lấy đó làm thiện tri thức căn bản. Do thiện tri thức căn bản này, khéo gìn giữ lòng mình. Trong khi thiền định, phàm có thấy nghe hiểu biết, tất cả hiện tượng, cảnh giới lành dữ, lòng chớ tham trước, chớ khởi thánh giải, cho đến cũng chớ sanh lo mừng cùng các tâm như đã nói trên. Chỉ dùng trí tuệ quán sát nơi không tịch, thì tất cả cảnh giới hiện ra đó, liền khi ấy tự nhiên tiêu diệt. Khiến cho hành giả chẳng thoái chuyển nơi đạo vô thượng chánh chân. Đây nhằm phá lớp vọng tưởng vọng tượng hư vô điên đảo của thức ám thứ năm vậy.

Nên biết văn trong tiết này, đồng với kinh Lăng Nghiêm phần nói về năm ám, năm vọng tưởng, xuất hiện năm mươi lớp cảnh giới ma. Muốn biết việc ma thế nào, xin đọc kinh Lăng Nghiêm quyển 9, quyển 10 thì rõ, đây chẳng thuật hết.

Kệ rằng:

Vô thủy luân hồi, ái là căn,
Đuổi theo tà ác, thọ sanh thân,
Xoay về tịnh tạng gieo lời thỉnh,
Khéo độ trang nghiêm tin chánh nhân,
Chẳng lại tự theo tâm hạnh ác,
Từ nay nguyện thích Phật năng nhân,
Đầy nêu gặp được chân tri thức,
Hay chuyên Bồ-đề bất thoái luân.

Vô thủy luân hồi ái dục căn,
Tùy tà trục ác thọ sanh thân,
Hồi quang tịnh tạng đầu thân tỉnh,
Thiện hóa trang nghiêm tín chánh nhân,
Bất phục tự tùy tâm hạnh ác,
Tùng kim nguyện nhạo Phật năng nhân,
Thử minh đặc ngộ chân tri thức,
Năng chuyển Bô-đề bất thoái luân.



PHẨM PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT

Phổ Hiền là tâm nghe thấu suốt khắp mười phương, không chỗ nào mà chẳng đến. Đây là nhiếp phẩm Diệu Trang Nghiêm ở trước, khi được vị thiện tri thức căn bản nắm tay dắt đi, khiến chẳng lạc vào các nẻo tà hiểm mà được thấy Phật. Bởi Phổ Hiền dùng tâm nghe mà được chứng, tức biểu trưng cho kinh lúc đầu lấy nhãn căn thấy tánh để khai thị, khiến ngộ nhập bản tâm. Kế lại, từ tánh nghe của nhĩ căn mà tu. Đến đây đã vào trong tánh nghe, công năng rất là cùng cực, tự thấy tâm thể trong sạch xưa nay của mình. Mới biết chính thật là tâm nghe, chẳng phải tai nghe vậy.

Than ôi ! Chúng sanh vọng sanh phân biệt, cho tánh nghe thuộc lỗ tai. Ngoài thì, niệm niệm rong ruổi theo thịnh trần, trong lại bời bời phan duyên dấy khởi. Lẫn theo những phải quấy của thịnh tướng, vọng tưởng phiền não loạn khởi. Chẳng biết tánh nghe ấy chính là tâm, sẵn có hạnh lớn Phổ Hiền. May mắn được khai thị, mới hay ngộ nhập ý nghĩa tâm nghe Phổ Hiền.

Nói tâm nghe tức là nhĩ thức, nhĩ thức chính là tâm linh, diệu dụng khắp suốt mười phương pháp giới. Tâm khắp mười phương, thì nghe cũng khắp mười phương. Nghe khắp mười phương, thì biết cũng khắp mười phương. Biết khắp mười phương thì tâm thức thấu suốt pháp giới, thành Tạng Đại Quang Minh vậy.

Nói khuyến phát, nhằm bày tỏ chớ lấy trí nhỏ cho tự đủ, phải phát khởi tiến lên, cầu đạo Bồ-đề vô thượng. Nghĩa là dù đã sạch hết năm ám, năm vọng tưởng diệt, vượt ngoài năm trước, thoát khỏi ba cõi, thức tâm tròn sáng, hàm dung pháp giới, mới có thể lãnh ngộ yếu chỉ tâm nghe, nhưng vẫn chưa phải là tâm rốt ráo tịch diệt Niết-bàn. Thế nên cần phải khuyến phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Phổ Hiền, thẳng vào biển lớn Tỳ-lô hoa tạng, soi thấy đạo tràng trong sạch xưa nay, thân cận bản tôn Quang Minh Biến Chiếu là pháp thân thanh tịnh Như Lai Tỳ-lô Giá-na trọn thành vô thượng Bồ-đề, trở về chỗ không sở đắc. Đây mới chính thật tỏ rõ tạng thức Đại Quang Minh vậy.

Hỏi: Phát tâm Bồ-đề là thế nào ?

Đáp: Bồ-đề có vô lượng nghĩa. Tất cả ba tạng, mười hai bộ kinh, đều là nghĩa của Bồ-đề, nên chẳng thể thuật hết. Nay xin lược lấy một vài lối giải thích rất gần mà chỉ ra đó thôi.

Bồ-đề, đây nói là tánh giác. Lại, bồ là chiếu, đề là kiến. Nói chung là tánh giác chiếu kiến. Tánh giác chiếu kiến này là tri kiến Phật.

Phát là mở ra, bày ra. Lúc còn mê muội mà phát minh ra. Ví như các cảnh giới thấy trong mộng, đều chẳng rời giấc mộng. Lúc biết là cảnh mộng, toàn thể đều là không. Biết rõ ràng cảnh mộng đều không, đó là nghĩa phát giác.

Lại như lúc còn mê muội chưa sáng, thì tánh giác bị bóng dáng duyên theo sáu trần làm mờ tối. Phàm đã thấy biết, đều như cảnh mộng, dù có tri kiến ấy, đều là mê muội, đó chỉ cho tri kiến của chúng sanh. Nếu lúc ngộ, thì bóng dáng duyên theo sáu trần, toàn thể đều không. Đã biết rõ trần ảnh đều không, thì tri kiến đó là tri kiến Phật, cũng gọi là phát tâm Bồ-đề và là tâm phát giác vậy.

Lại phát tâm Bồ-đề là biết rõ tất cả chư Phật, cùng các chúng sanh, đồng một giác nguyên, mình người một thể. Chỉ chúng sanh bị thức tâm vọng tưởng duyên theo bóng dáng sáu trần làm mê hoặc, nên chẳng hay biết. Ta đã tự giác, lại hay giác ngộ cho chúng sanh, nguyện khắp chúng sanh đều thành chánh giác. Đây gọi là phát tâm giác cho tất cả vậy.

Nhưng phát tâm Bồ-đề là chỉ cho người tu hành, tâm ban đầu được phát giác. Bởi ta cùng chúng sanh từ vô thủy đến giờ, trái giác hợp trần, chấp bốn đại năm uẩn cho là thân tâm. Niệm niệm duyên theo trần cảnh, phân biệt các ảnh sự, chưa từng có một niệm hồi quang, chẳng biết đến bao giờ tâm mới có thể phát giác ! Thế nên, tâm ban đầu được phát giác này, là việc rất khó ! Người xưa trèo non vượt biển, chỉ vì cầu “Tâm ban đầu phát giác” đó thôi.

Nói phát giác tức là tự thấy Phật tánh. Phật tánh chính là tự thể tánh giác. Có thể thấy được tự thể tánh giác này, thì tất cả việc làm đều là Phật sự. Cần thiết chớ nhận lầm thức tâm vọng tưởng duyên trần cho là tự mình, thì thức tâm như huyễn, việc tu hành cũng đều như huyễn. Kinh nói: “Nhận giặc làm con” là đây !

Nhưng tâm ban đầu phát giác đó, đã như ở trước, phần Tổng nêu pháp dụ đề mục của kinh và trong phẩm Tựa có nói rồi. Đến sau phần Bạt dẫn Tông chỉ, lại sẽ chỉ rõ hơn.

Hỏi: Làm thế nào tu hạnh Phổ Hiền ?

Đáp: Hạnh đầy khắp pháp giới, gọi là Phổ. Vị gần kề Á thánh, ấy là Hiền. Hạnh thì như mười đại nguyện vương trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới nói: Một sắc một hương đều khắp pháp giới. Nói tóm lại là:

Các điều ác chớ làm,

Vâng làm các việc lành.

Đấy gọi là hạnh Phổ Hiền.

Nhưng người tu hành học theo hạnh Phổ Hiền, tức là dùng yếu chỉ lỗ tai nghe, từ nhĩ thức mà vào. Chỉ dùng nhĩ thức theo niệm phân biệt, soi khắp quần cơ, lựa hạnh lành của Phổ Hiền kia mà tu, để tròn đầy tuệ tự tại, thành tựu trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Từ trước, quả chê thức tâm, bảo là huyễn vọng. Đến đây, có sao lại nói nhĩ thức là hạnh lớn chân thật. Thế ấy đâu khởi trước sau có thủ xả ư ?

Đáp: Quả chê ở trước, đó là thức tâm duyên trần. Nếu ngoài hiện sáu trần, thì trong khởi thức tâm, vọng sanh phân biệt. Trần qua thì thức phân biệt tự không, vì thế bảo rằng huyễn vọng cần phải bỏ. Nay thức này là dụng của nhĩ căn, đầy khắp mười phương, tùy lúc nghe, tùy lúc nhận thức, tùy lúc phân biệt, nó trạm nhiên thường trụ. Như ánh sáng của mặt gương, tức thức tánh trong kinh Lăng Nghiêm, nói “Minh tri giác minh, chân thức diệu giác trạm nhiên, biến chu pháp giới, dung nhập Như Lai tạng tánh, Diệu liên hoa tâm”. Thế nên, đáng phải giữ lấy mà tu. Đức Di Lặc cũng do tròn thành Tam-muội thức tâm này, mà tương lai sẽ làm Phật. Trong kinh Phổ Hiền cũng nói: “Nếu có người thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa thú kia, người đó lúc mạng chung, được một ngàn vị Phật đưa tay xoa đầu. Khiến lòng không sợ hãi, chẳng lạc vào nẻo ác, liền sanh lên cung trời Đâu Suất, chỗ Bồ-tát Di Lặc đang ở”.

Đây cũng chính bày tỏ đã hội được nhĩ thức kia, mà trở về tánh thức Như Lai tạng vậy.

Lại, phẩm này cũng nói Đà-la-ni là biểu lộ thể tâm nghe này, tổng trì tất cả công đức của pháp thân chư Phật, hiện khắp tất cả đạo tràng

Bồ-đề của chư Phật, rộng làm việc Phật, lợi ích chúng sanh, là con của đấng pháp vương vậy.

Kệ rằng:

Đầu nói Hoa Nghiêm, đây Pháp Hoa,

Trước sau thuần một Diệu Liên Hoa,
Văn Thù trí gốc, đơm Phật tuệ,
Phổ Hiền tâm nghe, trở giác hoa,
Thâm ngộ Đà-la-ni mật ý,
Trên gần Di Lạc, thức tâm hoa,
Tương lai đồng đến Long Hoa hội,
Nhân quả hợp nhau, gốc Pháp Hoa.
Sơ thuyết Hoa Nghiêm thử Pháp Hoa,
Thủy chung thuần nhất Diệu Liên Hoa,
Văn Thù bản trí khai Phật tuệ,
Phổ Hiền tâm văn, phát giác hoa,
Thâm ngộ Đà-la-ni mật ý,
Thượng thân Di Lạc thức tâm hoa,
Đương lai đồng đáo Long Hoa hội,
Nhân quả tương phù bản Pháp Hoa.

Nguyên lai kinh này là gồm chứa hải tạng của Hoa Nghiêm, nhiếp thu tông hiển của các kinh, tóm lãnh nhân duyên xuất thế của chư Phật, bày tỏ tri kiến Nhất thừa của chúng sanh. Chỉ hơn sáu muôn lời, mà lý hàm súc vô tận, có hai mươi tám phẩm, mà nghĩa sâu kín khôn lường. Tôi dù làm Đề Cương này, như loài muỗi nặng uống nước biển cả. Trí hẹp biết lò mờ chỉ thú, khác nào lấy ống tre dòm trời cao. Tuy chẳng suốt thấu huyền vi, cũng chẳng dám trái thánh chỉ. Hoặc có kẻ lại bảo: Văn từ này, chẳng thấy hiện có trong kinh kia, nên nghi.

Xin hãy xem lại thật kỹ trong kinh, xét cho chín chắn lời lẽ của mỗi phẩm. Nghĩa trong lời, lý trong nghĩa, uẩn trong lý, áo trong uẩn, khả dĩ hội ý mới hiểu. Chớ đem kiến giải ngoài da, mà mờ mịt đối với cốt tủy trong kinh. Kinh nói:

Tạng kinh Pháp Hoa này,
Sâu xa bên kín lắm,
Không người có thể đến...

Đã bảo rằng sâu xa bên kín thì chẳng thể dùng văn nghĩa cạn cợt bên ngoài mà có thể tột cùng nguồn đáy kia. Nhưng người xưa có dạy: “Nói pháp chẳng lìa tự tánh, lìa tự tánh nói pháp tức thành ma nói.”

Xin hiểu Đề Cương này của tôi, cũng là lời lờ mờ chỉ tánh, câu câu sáng tông, mà chẳng lìa nơi tự tánh vậy. Hoặc có trái lầm, xin cho sám hối. May được khai thị, để cứu lỗi kia. Nếu hợp lời kinh, mong đem lưu thông rộng rãi hầu ích lợi cho khắp chúng sanh.



BẠT DẪN ĐỀ MỤC ĐẦU KINH PHỤ TỤNG TÔNG CHỈ

CÁC CHỮ BẠT DẪN ĐỀ MỤC ĐẦU KINH

Năm chữ Diệu Pháp Liên Hoa kinh rất là sâu xa kín đáo. Văn khí mạnh mẽ của toàn bộ đều gồm chứa trong đó. Áo chỉ của một kinh, cũng gói trọn trong đó. Cho đến nguồn chân biển nghĩa của các kinh, cũng đều chung về nơi đây và đạo lớn thiên tánh của các sách, cả thầy hội qui trong đây. Nêu đề mà lý đã khắp, mở mục mà tâm rạng ngời. Lớn thay, kinh Diệu Pháp Liên Hoa ! Chẳng thể suy nghĩ, luận bàn mà được.

Nay tôi tự gạn lọc tâm tư giải trắng ra, để làm pháp thí. Nguyên đem lợi ích cho đời sau, đồng vào tri kiến Nhất thừa vậy.

Diệu tức chỉ cho tâm trong sạch xưa nay. Tâm này từ vô thủy đến giờ tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Ở thánh chẳng thêm, nơi phàm chẳng bớt. Nhiễm mà chẳng nhơ, rửa mà chẳng sạch. Lặng lẽ tròn đầy pháp giới, ngát ngát khắp giáp hư không. Tâm là bản nguyên của chư Phật, tâm là Phật tánh của chúng sanh. Nguyên chẳng phải tướng mà tướng từ đó hiện. Vốn là chân không mà không từ đó sanh. Như hạt châu ma-ni trong sạch, không có các sắc mà theo đó thành các sắc. Lại như biển giác lặng lẽ tròn đầy, chiếu nơi sáu trần mà chẳng nhận một trần. Là họa sư của thập ban pháp giới, là trí mẫu của tất cả Như Lai. Thế nên kinh Hoa Nghiêm nói:

Nếu người muốn biết rõ,
Ba đời tất cả Phật,
Nên quán tánh pháp giới,
Tất cả do tâm tạo.

Chỗ rớt ráo của tu hành, cũng chỉ xét tội tâm này mà thôi.

Hỏi: Linh diệu của tâm này như thế, phải từ chỗ nào mà thấy được ?

Đáp: Phàm có nói năng, biểu thị, đều chẳng thể được. Kinh nói:

Thôi thôi chẳng cần nói,
Pháp ta diệu khó nghĩ,
Những người tăng thượng mạn,
Nghe hẵn chẳng kính tin.

Nói thôi thôi tức là bản thể bất động của tâm, chẳng cần nói, tức là rõ chẳng phải nói năng, chỗ có thể biểu thị đến. Ta tức chỉ bản tâm của tự mình. Pháp tức chỉ ứng dụng của tri kiến. Diệu tức là linh diệu của tâm này sanh ra các pháp, mà tìm tướng nó chẳng thể được. Khó nghĩ tức suy nghĩ cũng chẳng đến nơi. Tổ sư bảo: “Cử tâm tức lằm, động niệm liền trái”.

Nên nói: “Chẳng thể nghĩ, chẳng thể nghị, chẳng thể xúng, chẳng thể lường, chẳng thể nói...” cưỡng gọi là Diệu. Vì thế, mà bảo rằng Diệu khó nghĩ.

Tăng thượng mạn, tức trước tướng chấp pháp, là bọn cỡi trâu tìm trâu, đem đèn tìm lửa, trên tuyết thêm sương, nên gọi là tăng thượng mạn. Tức là tự khi mình, bảo rằng linh diệu của tâm kia là của Phật Tổ, chẳng phải ta có, nên hướng bên ngoài chạy tìm, gọi là tăng thượng mạn.

Nghe hẩn chẳng kính tin, là do đã tự khi mình, chẳng phải vật của ta, nên chẳng cần yêu giữ. Như chàng cùng tử kia, đó là chẳng kính tin. Nếu hay tự nhận ra trân báu trong nhà mình, thì không còn tự khi, cũng chẳng nghèo đói mãi. Mỗi niệm mỗi niệm xoay trở lại Diệu Quang, chẳng dùng Cầu Danh đuổi theo vọng thức, gọi là kính tin. Kính tin lại thêm kính tin, một vật Diệu của báu trong nhà ta, nếu có thì cùng lúc. Thôi thôi chẳng cần nói !

Tụng Diệu Diệu rằng:

Khôn hình khôn trạng cũng khôn danh,
Diệu tại trong đây một điểm linh,
Lặng lẽ thường soi suốt pháp giới,
Xưa nay trong sạch, rạng chân tinh,
Do đây sanh ra các đức Phật,
Cũng lại, hình thành cả chúng sanh,
Ôi thế ! Chúng sanh quên cha giác,
Cam làm cùng tử chạy linh đình.
Nan hình, nan trạng, diệc nan danh,
Diệu tại kỳ trung nhất điểm linh,
Thường tịch viên thông minh pháp giới,
Bản lai thanh tịnh oánh chân tinh,

Do tư năng xuất sanh chư Phật,
Diệt thị thành vi hữu chúng sanh,
Thán nhĩ ! Chúng sanh mê giác phụ,
Cam vi cùng tử tẩu linh bình.

Pháp, tức tất cả pháp. Tất cả pháp là ứng dụng của một diệu tâm. Một diệu tâm là linh nguyên của tất cả pháp. Nói pháp tức là tâm, bảo tâm chính là pháp. Pháp là cái tùy duyên của Diệu hữu, chẳng nhiễm gọi là Diệu pháp. Tâm là cái ứng vật của chân không, ly trần chính nó là chân tâm. Luận về chân tâm thì đâu nhờ thi vi. Nói Diệu pháp thì chẳng ngại tu chứng, nhưng pháp môn tu chứng có đến vô lượng, nên chọn môn nào gần gũi thích hợp mà vào.

Vả lại, pháp dù có vô lượng, chẳng qua đều gồm vào ba pháp là: Căn pháp, Trần pháp và Thức pháp. Song ba pháp này, đều là cái bày hiện của Diệu tâm. Nên nói: “Pháp từ tâm mà khởi, tâm là nguồn các pháp”. Một niệm tối sơ bộc phát, tự là vạn ban biến hóa. Triển chuyển lưu lãng, sanh diệt luân hồi. Đến nay vẫn còn theo vọng quên chân, khác nào chàng Diễn Nhã [Diễn Nhã Đạt Đa, người ở thành Thất La Phiệt (Sravasti-Xá Vệ)]. Một sớm anh soi gương thấy đầu của mình hiện bóng trong gương, mắt mũi xinh đẹp khả ái. Khi úp gương anh lại tự hỏi sao không thấy đầu... Từ đó, anh phát cuồng, ngỡ rằng mình không có đầu và rồi hốt hoảng chạy khắp thành phố. Nhân đấy, trong hội Lăng Nghiêm đức Phật đem việc này ví cho những người chưa nhận ra chân tâm của mình. Mảng chạy theo thức tình vọng tưởng lãng xăng bên ngoài. Một lúc nào đó, thức tình vọng tưởng kia tự lặng, họ cảm thấy mất mình, và lại chạy rong kiếm tìm không thôi. Đâu biết rằng, vọng vốn không nhân, đều từ chân tâm diệu minh của mình dấy khởi. Một khi chiếu biết chính nó liền không, còn đâu chạy cuồng như chàng Diễn Nhã Đạt Đa kia ư ?] quên đầu nhận bóng. Nay, muốn mở bày để chóng ngộ nguồn tâm, trước phải rõ thức pháp là huyễn ảnh, trần pháp là hư hoa, đều chẳng có thể dùng làm chỗ tu nhân. Hãy trực tiếp lấy căn pháp làm nhân gần cho tu chứng. Bởi trần không có tự thể, nhân căn mà hiện. Như mắt bệnh thấy hoa đốm giữa hư không. Nên nói: “Trần là hư hoa, vốn không tự thể”.

Thức không tự có, nhân trần mà sanh, như vật hiện bóng trong gương. Nên nói: “Thức là huyễn ảnh, nguyên không tự có”.

Thế thì, thức có sanh diệt, trần có đến đi, cái sanh diệt đến đi ấy, tức là pháp vô thường. Chỉ có căn tánh là thường tự tại, nên đức Phật chỉ căn tánh này là diệu căn, căn pháp là diệu pháp. Bởi căn pháp dù cũng do tâm hiện ra, vẫn như ấn mắt hiện ra mặt trăng thứ hai, song mặt trăng thứ hai cùng mặt trăng thứ nhất không khác. Chỉ lúc ấn thì có, lúc biết thì không, hoàn toàn đồng với mặt trăng thứ nhất, chẳng phải có khác như bóng cùng ánh sáng. Nếu lúc đối vọng, thì căn tánh là cái thứ hai của tâm. Vô tướng linh tri là cái thứ nhất của tâm. Nhưng căn tánh cùng với linh tri nguyên chẳng khác thể, chỉ lúc mê thì có, khi ngộ liền không, hoàn toàn đồng với tâm trong sạch xưa nay. Vô tướng linh tri thể chân thật, chẳng phải hư huyền như trần thức vô thường thay đổi kia. Thế nên đức Phật chỉ thẳng căn tánh là nhân gần nhất của tu chứng, khiến các chúng sanh từ căn mà vào. Vào dòng, trở lại đầu nguồn tự thấy tâm thể xưa nay của mình vậy.

Hỏi: Tại sao chẳng chỉ thẳng cái thứ nhất là tâm diệu xưa nay, mà lại chỉ cái thứ hai là căn tánh làm nhân tu ?

Đáp: Tâm vốn không hình, cố nhiên là không thể chỉ. Trước đã chẳng nói rồi ư ? Phàm có nói năng biểu thị đều chẳng thể được. Nhưng tâm tuy không hình mà tùy chỗ ứng dụng của căn có dấu vết. Có dấu vết, thì có thể chỉ ra, khiến từ dấu vết của ứng dụng, nhân ánh sáng mà tự thấy đầu nguồn tâm.

Hỏi: Dấu vết hiện giờ ở đâu ?

Đáp: Tại trên sáu trần cảnh, hiện dấu vết kia. Bởi nhân sắc mà hiện thấy, nhân tiếng mà bày tỏ nghe, thì sáu trần là dấu vết ứng dụng của sáu căn. Nay muốn được dấu vết của căn, chỉ ngay trên cảnh sắc thính ấy thấy nghe là phải.

Nên biết rằng, dụng của căn tức dụng của tâm, biết của căn tức biết của tâm. Nơi căn có sáu dụng, mà tâm thể vốn một linh minh. Phật Phật chỉ truyền pháp căn này, thầy thầy đồng trao tâm tông ấy. Chỗ đầu cơ khai thị của các kinh, từ đây mà được trí căn bản. Truyền trì pháp ấn trải qua các đời, cũng lấy đây để phát giác tâm ban đầu. Chỉ theo chỗ cạn sâu, mà có chứng mau chậm đó thôi.

Lại cần biết, pháp này theo chỗ đặt tên, có vô lượng sự sai khác, đều là pháp ấy mà tên không đồng. Lại danh hiệu của chư Phật và đề mục của các kinh, cũng đều là tên khác của tâm pháp này thôi.

Hỏi: Tâm này truyền thọ thể nào ?

Đáp: Đức Thế Tôn đưa cành hoa, ngài Ca Diếp mỉm cười. Về sau, các Tổ truyền trì, cơ đầu chẳng phải một. Người ngộ tự biết vậy.

Hỏi: Làm sao tu trì ?

Đáp: Dừng ! Dừng !

Lại Thiền sư Đạo Xuyên bảo:

Tri âm tự có gió, tùng hòa;
Gió mát, trăng trong, khoảng bao la.

Lại bảo:

Ở tâm đặc, ở tay úng,
Tuyết gió trắng hoa,
Trời cao, đất dày,
Sáng sáng gà hương canh năm gáy,
Xuân lại nơi nơi hoa núi xinh.

Hỏi: Rốt ráo là gì ?

Đáp: Hòa thượng Phổ Hóa nói: “Tìm chỗ đi chẳng thể được”. Lại nguyên kê trong kinh Hoa Nghiêm nói:

Lạy đấng Hoa Nghiêm biển chân tánh,
Các thứ ánh sáng chiếu cùng khắp,
Muôn hạnh Phổ Hiền tùy trang nghiêm,
Tất cả chân như pháp giới tạng.

Trân trọng ! Trân trọng !

Tụng Pháp Pháp rằng:

Số lượng trần sa pháp có đây,
Chẳng qua căn trần thức dựng xây,
Hư ảnh, huyễn duyên, luống khởi diệt,
Chân tri, chánh kiến lặng tròn đầy,

Trong đây phát giác tìm thầy dẫn [Tức chỉ cho vị đại đạo sư hay chân thiện tri thức. Người sáng suốt rành rõ đường đi có thể hướng dẫn mọi người từ ngã chông gai nguy hiểm đến chỗ giải thoát yên vui. Trong các kinh điển Đại thừa của Phật giáo, thường ví cho đức Phật và các

vị đại Bồ-tát mới làm nổi việc này.]

Trên lộ quay về, hội Phật ngay,
Ví muốn chóng lên chân bảo sở,
Đường đi trước mắt, chớ dông dài.
Trần sa số lượng pháp tuy đa,
Bất quá căn, trần, thức dã ma,
Hư ảnh, huyễn duyên đồ khởi diệt,
Chân tri chánh kiến trạm viên đà,
Cá trung phát giác tầm sư đạo,
Đạo thượng toàn nguyên nhập Phật gia,
Nhược dục tốc đặng chân bảo sở,
Mục tiền tiến lộ mạc tha đà.

Liên, lấy đây để tỷ dụ cho hai chữ Diệu pháp nói trên.

Bởi vì hoa sen sanh trong bùn, mà chẳng nhiễm mùi bùn, nổi trên nước, mà chẳng thấm chút nước, tánh thuần dương vậy. Hoa trái cùng lúc, không có trước sau. Dụ cho tâm ở trong trần lao mà chẳng dơ bản, tại phiền não mà chẳng bối rối.

Xưa nay trong sạch, chẳng phải cái sạch sẽ của rửa hết nhơ. Xưa nay thường lặng, chẳng phải cái lặng lẽ của loạn được định. Xưa nay toàn sáng, chẳng phải cái sáng suốt của mặt trời, mặt trăng cùng ánh đèn. Là riêng sáng thuần khắp, là diệu tánh tịch chiếu thường quang vậy.

Tâm cảnh hõ dụng, có không phân biệt.

Tụng Liên Liên rằng:

Sen xanh, ngó trắng, cọng vươn ra,
Chẳng nhiễm bùn nhơ, vượt thủy ba,
Lá lá nở tròn, màu xanh biếc,
Cành cành đứng thẳng, khắp sum la,
Tuy ở cảnh âm, thuần dương tánh,
Dù trong bùn đọng, chẳng ướt mà,
Thí dụ, đạo tâm trong thể đấy,
Tâm này làm Phật, chính là ta.

Thanh liên bạch ngẫu dừng hành đa,
Bất nhiễm ô nê xuất thủy ba,
Chúng điệp viên khai đồng bích lục,
Quần căn trực thụ biến sum la,
Tuy cư âm cảnh thuần dương tánh,
Cố tại nê trung bất thấp da,
Thí dụ đạo tâm thanh nhược thị,
Thử tâm tác Phật, bản phi tha.

Hoa là nở ra tỏ rõ, người người cùng thấy, mỗi mỗi cùng biết. Thấy biết tròn sáng, là nghĩa hoa nở.

Nên biết, hoa tức sen, mà sen tức hoa. Lại phải rõ, thấy biết tức là tâm, mà tâm tức là thấy biết. Nhưng tâm lúc chẳng động, thấy biết chẳng sanh, há không thấy biết. Dụ cho sen lúc chưa hóa, hoa sen chưa có đâu chẳng sanh hoa. Thế là sen gồm chứa hoa, như tâm gồm chứa thấy biết.

Hỏi: Thấy biết vốn đồng, thế nào gọi là thấy biết của chúng sanh ? Sao gọi là thấy biết của Phật?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói:

Thấy biết chấp thấy biết,
Chính là gốc vô minh,
Thấy biết không thấy biết,
Đây tức là Niết-bàn.

Hỏi: Làm thế nào khai Phật tri kiến, khiến được trong sạch ?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói:

Cuồng tâm tận hết,
Hết tức Bồ-đề,
Chỉ sạch phàm tình,
Không riêng thánh giải.
Tụng Hoa Hoa rằng:
Giữa bùn vọt hiện rất nhiều hoa,
Hoa ấy là sen chẳng khác mà,

Cội gốc chẳng như, như bùn nước,
Tùy cảnh mà hiện, bạch hồng hoa,
Lúc nở thơm xa, người hay biết,
Trong búp nhân tròn tự lớn ra,
Thật dụng cứu sanh, trừ các bệnh,
Hoa sen dụ thể diệu căn ta.
Nê trung dũng hiện chúng đa hoa,
Hoa nãi liên sanh phỉ thị tha,
Nhu bản bất ô nê thủy loại,
Tùy căn nhi hiện bạch hồng hà,
Khai thời hương viên nhân tri kiến,
Uẩn xứ nhân viên tự trường da,
Thật dụng cứu sanh trừ chúng bệnh,
Liên hoa dụ nhược diệu căn gia.

Kinh là lối tắt, là đường tắt vào đạo. Lại kinh là thường pháp, muôn đời chẳng đổi, cũng chính là văn tự Bát-nhã. Văn tự là ghi khắc những ngôn ngữ, ngôn ngữ là sự máy động của lưỡi, lưỡi là mầm mống của tâm, tâm là cái linh ứng của diệu. Một chữ diệu này, tôi thật không thể giải bày, chỉ biết văn tự trong kinh, là diệu dụng của tâm thôi. Nên kinh nói: “Từ tơ, tức là sợi chỉ, hay xoắn thành một xoắn làm nghĩa”.

Nếu tâm là thể của văn tự, thì văn tự là dụng của tâm. Nhưng tâm thể tuy một, mà dụng của tâm khi biến thành tướng của văn tự thì vô lượng, là nhất ấn mà ấn thành vô lượng. Nay muốn đem vô lượng làm một, tức phải lấy một sợi chỉ mà xoắn suốt cả lại, hợp thành một xoắn. Nói xoắn, nghĩa là suốt khắp không gì chẳng khắp, không gì chướng ngại. Lại xoắn đó, tuy bảo rằng văn tự Bát-nhã, mà xoắn suốt cả quán chiếu Bát-nhã, [Bát-nhã chính là đại giác viên thường có ba đức: 1 - Thật tướng Bát-nhã. Đây là lý thể của Bát-nhã. Lý thể này, từ xưa tới giờ mọi người đều sẵn đủ, nhưng phải xa lìa tất cả những tướng hư vọng bên ngoài kia, mới vào được thật tánh của nó và hiển lộ được lý thể Bát-nhã này. 2 - Quán chiếu Bát-nhã. Tức là dùng thật trí quán chiếu lại thật tướng. 3 - Phương tiện Bát-nhã. Cũng chính là văn tự Bát-nhã, là dùng quyền trí để phân biệt các pháp. Nói rõ hơn, Bát-nhã là thứ trí tuệ vượt ngoài tham sân si, dứt hết các nghi lầm và tự

mình thông đạt một cách minh liễu. Gồm có ba thứ: a - Thật tướng Bát-nhã: Trí tuệ cao tột, là cái linh tri tự nhiên mỗi người có sẵn, còn mãi. b - Quán chiếu Bát-nhã: Trí tuệ siêu xuất hay quán sát chiếu liễu và phân biệt các pháp. Trí tuệ này nhờ thiên định mà mở thông. c - Văn tự Bát-nhã: Tức là những sự lý sáng suốt cao diệu chứa sẵn trong các kinh điển Phật nói.] Lý diệu không hai. Thế nên, kinh Kim Cương nói: “Nếu chỗ nào có kinh điển này, tức chỗ đó hiện có Phật”. Nhưng kinh là do kim khẩu đức Thích Tôn nói ra. Dù có thánh nhân ba thừa, hàng thiên long quỷ thần nói ra mà Phật thừa nhận hứa khả, mới được gọi là kinh. Ngoài ra thì chẳng được. Cần thận chớ nói ngang nói dọc, phỏng đoán mê hoặc người, mà chuốc tội vô giá.

Tụng Kinh Kinh, văn tự Bát-nhã rằng:

Toàn nhờ giấy mực chứa chân châu,
Châu số rất nhiều Đại tạng lưu,
Lưu chép văn chương thật diệu pháp,
Pháp còn tông chỉ nguồn đạo lưu,
Lưu thông sự lý trong khuôn nhiếp,
Nhiếp lấy ngôn thuyên, trọn gồm bao,
Bao quát Thánh, phàm rành thể dụng,
Dụng thì kinh mực thấy tâm đầu.
Toàn bằng chỉ mực uẩn chân châu,
Châu số đa đa đại tạng lưu,
Lưu ký văn chương chân diệu pháp,
Pháp tồn tông chỉ đạo nguyên lưu,
Lưu thông sự lý qui trung nhiếp,
Nhiếp thủ ngôn thuyên nhất nội bao,
Bao quát thánh phàm minh thể dụng,
Dụng thời kinh mực kiến tâm đầu.
Lại tụng kinh quán chiếu Bát-nhã rằng:
Đưa lên sợi chỉ xỏ minh châu,
Hợp nhiều về một chứa bền lâu,
Xuyên thẳng trung tâm rồi thoát khỏi,

Suốt thông trong ấy khắp châu lưu,
Một sợi đầu đuôi, đều tùy tiếp,
Trước sau đầu mối, thảy gồm thâu,
Uyển chuyển liên hoàn, thường chiếu dụng,
Xưa nay chẳng đổi, cái tâm đầu.
Đề tương tuyền lộ quán minh châu,
Hiệp chúng đa qui nhất nội lưu,
Trực đạt không trung toàn thoát xuất,
Xuyên thông giá lý phổ châu lưu,
Nhất điều thủ vĩ giai tùy tiếp,
Thuần tự sơ chung đại tổng bao,
Uyển chuyển liên hoàn thường chiếu dụng,
Cổ kim bất dịch cá tâm đầu.



PHỤ TỤNG:
KHAI THỊ NGỘ NHẬP
NHẤT PHẬT THỪA TRI KIẾN ĐẠO
TRÍ TUỆ TÔNG CHỈ

Trước nói bốn chữ: Khai, Thị, Ngộ, Nhập. Bốn chữ này là Tông chỉ của toàn bộ kinh.

KHAI, là phá vỡ màng vô minh vọng tưởng thức tâm kia. Bởi chúng sanh từ bao lâu rồi, chấp nhận vô minh vọng tưởng thức tâm này làm tự thể của mình. Niệm niệm vin theo trần cảnh, bị trần cảnh làm trở ngại không ít. Chẳng rõ thức tâm này, là huyền ảnh của duyên trần. Nhân trần mới có, chẳng phải có sẵn lâu nay. Nên cũng gọi là tâm phan duyên, tâm vọng tưởng, tâm vô minh, tâm phiền não, tâm phân biệt, tâm trần lao, tâm hữu vi, tâm sanh diệt... bao nhiêu thứ danh tự, cũng đều là tên khác của thức tâm này thôi. Đã chấp nhận những thứ này là tâm, tức trái mất diệu tánh của sáu căn, lâu nay trong sạch, là Phật tri kiến đạo. Thế ấy, căn tánh còn mê, thì làm sao biết có diệu tâm vô tướng vô vi chân như thanh tịnh ? Ví như mây che trăng sáng, hoàn toàn không có ánh chói ra. Ánh sáng còn chẳng biết, đâu có thể biết được mặt trăng ư ?

Vì thế, trước cần phá bỏ màng thức tâm vô minh vọng tưởng, bày ra căn tánh. Như mây mở toang, thì ánh sáng chói tự xuất hiện.

Trong kinh, từ quyển đầu đến quyển 4, phẩm Pháp sư thứ 10 là phần Khai.

THỊ, tức đã khai phá vọng chấp kia rồi, bèn chỉ thẳng cái tri giác tròn sáng, chính thật là diệu tánh trong căn, lâu nay trong sạch, là Phật tri kiến. Dụ như mây tan, ánh sáng hiện. Ánh sáng ấy, chính là sức chiếu soi của mặt trăng vậy.

NGỘ, nghĩa là đã nhờ ơn được khai phá thức tình; hiển thị căn tánh, khoát nhiên nhận được tri kiến Phật, lâu nay trong sạch.

Nên biết rằng thị và ngộ đồng thời, không có trước sau. Nhưng thị thuộc người nói, còn ngộ phải chính tự mình.

Trong kinh, từ quyển 4 phẩm Hiện Bảo Tháp, đến quyển 6, phẩm Như Lai Thần Lực thứ 21 là phần Thị Ngộ.

NHẬP, là ngộ được căn tánh, đã là tri kiến Phật. Bèn khiến trở lại tri kiến kia, từ căn mà vào, xoay về quán bản thể của tri kiến. Dụ như được ánh sáng, rồi tìm thấy thể thật của mặt trăng.

Nói Nhập, nghĩa là căn tánh kia, dù thấy biết là thường lặng lẽ, nhưng từ lâu nay một bề hướng ngoại bên tẩu rong ruổi nơi những trần cảnh, theo vọng lưu chuyển mà chẳng tự biết. Nay đã phát giác, tức bèn chóng rõ vọng tình và cảnh giới vọng trần. Nhỏ lấy tri kiến, xoay vào bản căn. Từ con đường chánh giác mà thâm nhập, tìm thấy tâm diệu chân như, lâu nay trong sạch. Do đó, kinh nói: “Nhập Phật tri kiến đạo” vậy.

Lại phải biết, căn thức chẳng phải hai, chỉ tại trần thì gọi là thức. Tri kiến gọi là căn tánh. Như duỗi nắm tay thì thành bàn tay, mà co lại hẳn thành nắm tay, vốn chẳng phải hai thể.

Trong kinh từ quyển 6, phẩm Phó Chúc, đến quyển 7, phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản sự thứ 27 là phần Nhập.

Nên biết rằng ba phần Khai, Thị Ngộ và Nhập là phá vọng hiển chân đã xong. Nhưng vẫn là tự lợi, chưa có thể lợi tha, nên phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát là khuyên khiến tích cực thực hành hạnh lớn lợi tha, rộng độ tất cả chúng sanh đồng thành chánh giác, mới là chỗ tu hành rốt ráo. Đây cũng là tông chỉ của toàn kinh vậy.



CÁC CHỮ PHỤ TỤNG, TỤNG 14 CHỮ

TỔNG NHIỆP DIỆU NGHĨA, ĐỀ TIỆN NGOẠN ĐỌC.

KHAI

Từ lâu chưa biết áo có châu,
Chồn chồn theo duyên hướng ngoại cầu,
May nhờ thân hữu vạch áo chỉ,
Tận mặt lưu ly mới lộ đầu.
Tùng lai vi giác lý y châu,
Xứ xứ tùy duyên hướng ngoại cầu,
Hạnh môn thân hữu tương y phá,
Diện thượng lưu ly xuất lộ đầu.

THỊ

Vạch áo chỉ rồi thấy hạt châu,
Từ nay gắng lấy chớ tìm cầu,
Dùng báu ma-ni như ý ấy,
No cơm ấm áo thỏa tâm đầu.
Tương chi phá liễu hiển kỳ châu,
Nãi giáo tụng kim khả tức cầu,
Dụng thử ma-ni như ý châu,
Sung y tức thực mãn tâm đầu.

NGỘ

Từ ngày thấy được bản minh châu,
Hón hỏ lòng vui chẳng chạy cầu,
Tự tại thường gìn luôn sáng chiếu,
Trang nghiêm xinh đẹp ngã thân đầu.
Tự tụng đặc biến bản minh châu,
Khánh hỷ vu trung bất biệt cầu,

Tự tại thường trì quan chúc chiếu,
Trang nghiêm tú lệ ngã thân đầu.

NHẬP

Dù nay đã nhận tự trần châu,
Vẫn hận từ lâu rong ruổi cầu,
Liên cảm châu ấy mà phản chiếu,
Quay về bến giác đến nguồn đầu.
Tuy kim dĩ ngộ tự trần châu,
Thả hận tiền chi thiệp viễn cầu,
Tức bình kỳ châu nhi phản chiếu,
Toàn qui giác đạo chí nguyên đầu.

NHẤT

Quên trần nhiếp thức vào đầu căn,
Không hai không ba hợp một chân,
Hiểu một tức ba, ba tức một,
Một là vô lượng ấn thành văn.
Vong trần nhiếp thức nhập nguyên căn,
Vô nhị vô tam hợp nhất chân,
Hội nhất tức tam tam tức nhất,
Nhất vi vô lượng ấn thành văn.

PHẬT

Căn trần thức pháp vốn nguyên phi,
Một ánh linh quang hiện tức thì,
Nhiếp có về không, không một vật,
Ngời ngời tỏ rạng, giác linh tri.
Căn trần thức pháp bản nguyên phi,
Nhất diệu linh quang hiện hữu chi,
Nhiếp hữu qui vô vô nhất vật,
Thường đương độc lộ giác linh tri.

THỪA

Nương căn bản tánh để tu trì,
Sáu dụng sáng tròn tự giác tri,
Chọn một viên thường thông lợi nhất,
Nhân đây vào thẳng đến vương kỳ.
Y căn bản tánh dĩ tu trì,
Lục dụng viên minh tự giác tri,
Tuyển nhất viên thường thông lợi giả,
Thừa chi trực nhập chí vương kỳ.

TRI

Lẫn trong trần thế, riêng thanh kỳ,
Diệu tợ hoa sen, chẳng nhiễm chi,
Nhả ngậm mùi phương, viên giác chiếu,
Thánh phàm đồng vậy, một chân tri.
Hỗn cư trần thế biệt thanh kỳ,
Diệu nhược liên hoa bất nhiễm ô,
Hàm thô thập hư viên giác chiếu,
Thánh phàm đồng thử nhất chân tri.

KIẾN

Trên cảnh sáu trần chẳng từng ly,
Một thể đồng soi chánh biến tri,
Trần tướng đến đi không với có,
Nương quán tự tại hội rằng chi.
Lục trần cảnh thượng bất tăng ly,
Nhất thể đồng quán chánh biến tri,
Trần duyên khứ lai không hữu tướng,
Y quán tự tại vẫn vân thù.

ĐẠO

Thẳng bằng bình dị chánh chân như,
Lớn rộng dung thông rức thái hư,
Một khi thấu suốt lên giác địa,

Thánh hiền đâu chẳng vào đây ư ?
Thản di bình dị chánh chân như,
Quảng đại dung thông thước thái hư,
Nhất đạt kỳ trung đẳng giác địa,
Thánh hiền hà mặc nhập do kỳ.

TRÍ

Vừa biết cảnh trần tức toàn nguyên,
Chẳng muội căn đầu trí chánh viên,
Tròn lặng rỗng soi châu tự tánh,
Xưa nay tri trí một chân nguyên.
Tài tri trần cảnh tức toàn nguyên,
Bất muội căn đầu trí chánh viên,
Viên tịch đồng minh hoàn tự tánh,
Bản lai tri trí nhất chân nguyên.

TUỆ

Từ căn phát hiện nghìn muôn ban,
Bóng trần rành rẽ biển chiếu quan,
Rỗng suốt trong tướng là y đáy,
Hành nhân thôi biện thức tâm an.
Tùng căn phát hiện vạn thiên ban,
Trần tượng chiêu chương biển chiếu quan,
Đồng triệt tướng trung y giá cá,
Hành nhân hư biện thức tâm an.

TÔNG

Không hình, khôn thể rõ chân dung,
Ví muốn tìm y, nên hỏi tung,
Tung tích chân văn, đâu chỗ đứng ?
Biết rằng ẩn hiện sáu trần trung.
Vô hình nan khả hiểu chân dung,
Nhược đục tầm chi khả vấn tung,

Tung tích chân văn hà xứ thị,
Đương tri ẩn hiện lục trần trung.

CHỈ

Xét khắp cảnh trần tìm chân tông,
Trên cảnh quán trần, tạp lẫn đồng,
Khéo nói vì người, phân tích rõ,
Rằng trần huyễn vọng, hiển quán tung.
Biến quán trần cảnh mịch chân tông,
Cảnh thượng quán trần tạp hỗn đồng,
Thiện đạo vi tha phân chỉ thác,
Ngôn trần huyễn vọng hiển quán tung.



CHỈ THẰNG DIỆU NGHĨA CỦA 14 CHỮ TOÁT YẾU

Khai, tức phá vỡ vọng tình của sáu thức, bày rõ chân tánh của sáu căn.

Thị, tức chỉ chân tánh của sáu căn, chính là Phật tri kiến đạo, xưa nay trong sạch.

Ngộ, tức tự mình phát giác được diệu tánh trong sạch xưa nay.

Nhập, tức đã phát giác thì cần mỗi niệm mỗi niệm, phản chiếu hồi quang, nhập lưu vong sở.

Nhất, tức tất cả, tất cả tức một. Một ấy chính là Diệu tâm chân như.

Phật, tức tánh hay biết vậy.

Thừa, tức nương đó, theo đó, nhân đó, cưỡi đó và chở đó.

Tri, tức linh tri xưa nay trong sạch. Là trí đại viên cảnh, tâm Diệu chân như.

Kiến, tức ứng dụng của căn tánh, soi thấy sáu trần.

Trí, tức trái bỏ trần lao, hướng đến chánh giác. Là nhiếp thức qui căn, đổi ngu thành trí.

Tuệ, tức thấy biết rõ ràng, chỉ theo căn gọi là tuệ, theo trần gọi là thức.

Tông, tức chân tánh của sáu căn, cái dấu vết của ứng dụng.

Chỉ, tức từ dấu vết đó, mà thẳng vào tâm diệu chân như.

Đạo, tức là đường cái. Là con đường thông suốt đến bờ giác. Tất cả thánh hiền đều đi con đường này.



PHỤNG KHUYẾN HỎI TÀNG MẬT CƠ TỤNG VÀI TẮC

Tắc là khuôn phép để hành giả theo đó bắt chước mà hạ thủ công phu. Thông thường, hình thức của một tắc là một câu hỏi, tức một đề án. Nó là nguồn kích động hành giả, quyết định đi tới. Sức mạnh kích động này, chính là nghi tình, niệm nghi hay đại nghi.

Lại, khán công án gọi là tham công án. Công án cũng gọi là thoại đầu. Tham công án cũng gọi là tham thoại đầu, hoặc chiếu cố thoại đầu.

1 - Thế Tôn xuất hiện do duyên nào,
Chỉ bởi Liên Hoa pháp nhiệm màu,
Sao lại khoảng giữa còn chưa nói,
Lúc sắp Niết-bàn, mới tuyên trao ?

2 - Tây lai vì chỉ thẳng tâm tông,
Cớ sao chín năm lặng ngòi không ?
Hẳn đã đợi cơ, cơ chưa chín,
Chín rồi, sau đó hiển chân không.

3 - Huệ Năng được pháp ấn Kim Cương,
Sao lại quay về nam Lãn Dương ?
Chẳng chịu vì người tuyên pháp ấn,
Bởi biết nhân tánh, mật đêm trường.

Kinh nói: Này Xá-lợi-phất ! Pháp ấn của ta, vì muốn lợi ích thế gian nên nói. Ở chỗ du phương, chớ vọng tuyên truyền. Nếu có người nghe, tùy hỷ đánh thọ, phải biết kẻ ấy, chẳng còn thoái chuyển.

Bản đạo Thanh Đàm, nhàn ngâm tụng rằng:
Nâng đứng trống cơm, đối tri âm,
Duỗi tay không làm, vỗ trống tâm,
Tập tập tầm tâm, tâm là tập,
Tâm tâm tâm tập, tập tâm tâm.

Tiếng trống hợp vận, tiếng tùng ngâm,
Tịch chiếu tâm tông, tức tập tâm.
Gió mát trăng trong, hằng tự tại,
Tâm tâm chẳng được, dứt tâm tâm.
Thôi thôi, tâm ta chẳng thể tâm,
Tâm tâm đâu được, chẳng là tâm.
Đem đèn tìm lửa, ấy điên đảo,
Chẳng bằng trước song, giữ một ngâm.
Nam-mô A-di-đà Phật.
Dừng đó một chỗ,
Không gì chẳng xong.

Khổng Phu Tử nói:

Đạo ta lấy một, xâu suốt đó.

Thích Sư Tử nói:

Chỉ đây, một việc thật,
Ngoài hai thì chẳng chân.

Lý Lão Tử nói:

Rõ một muôn việc xong.

Ngâm:

Động niệm tối sơ thành một chữ,
Rốt ráo nguyên lai, một cũng không.

Niêm:

Lành thay Thuần Đà! Lành thay Thuần Đà!

Tụng:

Thôi nói hay, chẳng nói càn,
Dở hay, tốt xấu, chớ rộn ràng,
Kẻ muốn tìm hay mà lại vụng,
Kia toan bán sẻ, chẳng biết lang.
Công danh cái thế, sương thu sớm,
Phú quý kinh nhân, giấc mộng tràng,

Chẳng hiểu xưa nay không một vật,
Công phu luống phí dụng tâm can.

Ngày Quốc Khánh, trung tuần tháng 9, năm Quý Mão.

Viết tại viện Liêm Khê, Ninh Bình.

(Long Phi, Quý Mão, Lộ Nguyệt, Trung hoán nhật)

Tỳ Kheo Thanh Đàm, Thiền sư Giác Đạo Tuân, Minh Chánh.

